

Chiến tranh ý thức hệ

Minh Võ

TRONG mấy cuốn sách và bài viết gần đây về các nhân vật lịch sử Việt Nam như Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, chúng tôi thường yêu cầu đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh *chiến tranh ý thức hệ*. Chúng tôi cũng đã từng phê bình một vài học giả hay sử gia như giáo sư Hoàng Xuân Hãn[1] và ông Lê Xuân Khoa[2] là đã không đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh *chiến tranh ý thức hệ* toàn cầu của Cộng Sản. Bởi vì nếu không đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu thì sẽ không hiểu được nguồn gốc và tính chất phức tạp của cuộc chiến Việt Nam và sẽ không thể nào đánh giá đúng mức về hai nhân vật lịch sử nói trên. Một sử gia có tham vọng viết sử toàn bộ cuộc chiến Việt Nam, hay chỉ có một mục đích nhận định về một biến cố hay nhân vật lịch sử Việt Nam cận đại sẽ rất dễ bị nhầm lẫn, lệch lạc, nếu không xét đến toàn bộ cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản toàn cầu.

Nhưng chúng tôi chưa có dịp định nghĩa và giải thích một cách rõ ràng thế nào là chiến tranh ý thức hệ.[3] Với bài này, chúng tôi sẽ cố gắng làm việc đó một cách tóm lược tối đa, trong đầu vẫn nghĩ rằng phần đông bạn đọc không còn lạ gì những khái niệm về đấu tranh giai cấp, giá trị lao động và giá trị thặng dư, về duy vật biện chứng, duy vật sử quan, cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản, và thế giới đại đồng v.v... mà chúng tôi đã có dịp trình bày qua trong mấy cuốn sách trước. Cho nên tôi sẽ không trở lại những vấn đề lý thuyết khô khan, cũ rích nói trên nữa. Xin độc giả hãy coi đây là những tư kiến của người viết về khái niệm chiến tranh ý thức hệ. Tuyệt nhiên không phải là một bản tường trình đầy đủ về cuộc chiến tranh ấy. Vì đó phải là một bộ lịch sử nhiều tập.

Nhắc lại cuộc chiến đẫm máu suốt trong ba chục năm, nhiều người đã than, đây là một thảm họa của dân tộc, “bị xâu xé bởi hai *ý thức hệ* ngoại lai”. Nói vậy tức gián tiếp cho rằng phía Cộng thì chiến đấu vì *ý thức hệ* Cộng Sản. Còn phía Quốc Gia thì chiến đấu cho một *ý thức hệ* ngoại lai nào đó, mà có thể hiểu đó là *ý thức hệ* Tư Bản. Những người nói như vậy thường là lớp trẻ, hay những người tự cho mình đứng ngoài và trên hai phe Quốc Cộng trong cuộc chiến 30 năm, và họ tự phụ rằng chỉ họ mới có chính nghĩa, mặc dù nhiều người trong số họ chẳng bao giờ tranh đấu cho một lý tưởng hay chính nghĩa nào.

Riêng tôi không coi tư bản là một *ý thức hệ*. Càng không cho rằng phía người Việt Quốc Gia chống Cộng vì *ý thức hệ* tư bản. Theo từ điển nguyên tự thì ngay từ *capitalism* chỉ xuất hiện lần đầu vào năm 1856, nghĩa là 8 năm sau khi có Tuyên Ngôn Cộng Sản. Các cha đẻ của kinh tế thị trường tự do, đặc tính của nền “kinh tế tư bản”, như Adam Smith (1723-1790), David Ricardo (1772-1823) chưa bao giờ dùng từ *capitalism* để nói về mô thức kinh tế mà họ trình bày. Vì chính các ông cũng chỉ

nói về một lẽ lối điều hành nền kinh tế tự do theo luật cung cầu, luật tự nhiên. Họ chưa hề đưa ra một ý thức hệ tư bản nào cả, mặc dầu Adam Smith, ngoài tư cách kinh tế gia, còn là một triết gia.

Nhưng chủ trương kinh tế chỉ huy của Mác thì rõ ràng nằm trong ý thức hệ Mác-xít bao gồm nhiều lãnh vực tư tưởng triết học, xã hội học, khoa học tự nhiên v.v... Ông cố gắng gom tất cả thành một hệ thống. Cũng chính vì ý thức hệ Mác-xít nên mới nảy sinh từ *capitalism*. Theo Duy Vật Lịch Sử của Mác thì lúc ấy “*chủ nghĩa tư bản đang giãy chết.*” Từ đó nhiều người không theo CS cũng bắt chước dùng từ “chủ nghĩa tư bản” một cách máy móc.

Chúng tôi luôn cho rằng cuộc chiến Việt Nam là một bộ phận nhỏ của cuộc *chiến tranh ý thức hệ* toàn cầu bắt nguồn từ *ý thức hệ Mác-xít*..

Bài này gồm 5 phần: định nghĩa, 3 giai đoạn, 3 đặc tính, một định đề, và 2 yêu cầu.

Phần I: Định nghĩa chiến tranh ý thức hệ: Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến do, vì, cho và bằng một ý thức hệ.

1.1 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến do (hay bắt nguồn từ) một ý thức hệ. Đó là ý thức hệ Cộng Sản.[4] Nó là nguồn gốc chiến tranh ý thức hệ.

Tại sao lại bảo ý thức hệ Mác-xít là nguồn gốc của chiến tranh ý thức hệ? Trước hết, vì nó chủ trương đấu tranh giai cấp, hô hào, cổ võ giai cấp vô sản đấu tranh nhằm tiêu diệt giai cấp tư sản và các giai cấp khác, hòng đưa vô sản lên nắm quyền chuyên chính, độc tài tuyệt đối. Ý niệm đấu tranh là nguyên nhân và khởi điểm của chiến tranh. Thứ đến, vì nó tuyên chiến với toàn thể nhân loại bằng tuyên ngôn cộng sản, trong đó đòi hủy bỏ quyền tư hữu là cội nguồn mọi quyền tự do căn bản của Con Người. Trong khi Mác coi quyền tư hữu là nguồn gốc của tư bản và vì nó mà nảy sinh sự tích lũy tư bản bằng cách bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân, thì trong thực tế và từ nguyên nhân chính, quyền tư hữu lại là nguồn gốc mọi quyền con người, không phân biệt tư sản hay vô sản.

1.2 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến vì ý thức hệ Mác-xít.

Các người Cộng Sản, khối cộng toàn thế giới thường trực ở trong tình trạng chiến tranh toàn diện để truyền bá ý thức hệ này bằng mọi cách. Thế giới tự do không thể không chiến đấu bằng nhiều hình thức khác nhau để tự vệ. Như vậy hệ tư tưởng Mác-xít chính là lý do có chiến tranh ý thức hệ. Để tự vệ và bảo vệ quyền tư hữu, nhân loại không có còn đường nào khác hơn là phải chống lại ý thức hệ đó. Bắt đầu là một cuộc chiến tư tưởng.[5] Rồi từ sau thế chiến II là cuộc chiến toàn diện toàn cầu bằng đủ mọi hình thức. Lác đác ở một vài nơi trên hành tinh còn có cả tiếng súng, tiếng bom. Như chúng tôi được biết, thì có ít nhất 8 nhân vật uy tín thuộc nhiều lãnh vực khác nhau đã gọi đó là thế chiến III.[6]

Vì có ý thức hệ Cộng Sản nên thế giới tự do thấy có bốn phen tham chiến không phải bằng một ý thức hệ nào khác. Mà vì một **lý tưởng**. Phân tích từ ngữ gốc La-tinh như các tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và cả tiếng Anh, tiếng Pháp, thì chữ “ý thức hệ” (ideologie) bắt nguồn từ chữ idea (idée) là ý hay ý niệm. Thì chữ lý tưởng (ideal) cũng bắt nguồn từ chữ idea (idée). Lý tưởng là một ý tưởng cao cả, phục vụ một mục đích cao cả. Lý tưởng của thế giới tự do trong mục đích tự vệ chống lại ý thức hệ Cộng Sản là gì? Đó là lý tưởng tự do dân chủ, hòa bình công lý, hòa hợp hòa giải, thịnh vượng, phú cường... Tất cả những gì tốt đẹp nhất cho Con Người, cho dân tộc, cho nhân loại.

1.3 Chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản là cuộc chiến cho ý thức hệ Mác-xít.

Mác chủ trương phá bỏ quyền tư hữu, chủ trương đấu tranh giai cấp, chủ trương cách mạng bạo lực... nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính tuyệt đối, biến xã hội loài người thành một thiên đường (sic) ở trần gian, trong đó không còn giai cấp, không cần chính phủ, hay nhà nước. Thế giới sẽ là thế giới đại đồng. Chính cái thiên đường ở trần gian đó, trong đó mỗi người làm tùy sức mà được hưởng tùy theo nhu cầu (Nhị Các = các tận sở năng, các thủ sở nhu), nghĩa là nói một cách nôm na, muốn gì được nấy. Đây là cùng đích, là cứu cánh của cuộc chiến ý thức hệ mà Mác chủ trương. Vì cái cứu cánh “cao cả” đó các người Cộng Sản tự cho mình có quyền dùng tất cả mọi phương tiện, bất kể phương tiện nào, dù chính đáng hay không, để tiến hành cuộc chiến ý thức hệ. Đối với họ “cứu cánh biện minh cho phương tiện.”

1.4 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến bằng ý thức hệ.

Về thứ 4 trong định nghĩa này (*bằng ý thức hệ*) nói lên phương tiện, vũ khí mà khối cộng dùng để tiến hành cuộc chiến tranh chống nhân loại. Nói một cách cụ thể, chính chủ nghĩa Cộng Sản, hay *ý thức hệ Cộng Sản* đã được dùng làm phương tiện đấu tranh. Nghĩa là các cán bộ Cộng Sản luôn dùng những điều “tốt đẹp, tiến bộ, khoa học” (sic) của thuyết Cộng Sản để chiêu dụ chẳng những giai cấp vô sản, giới nghèo trong cộng đồng nhân loại, mà chiêu dụ tất cả mọi người đi theo họ. Mà quả thật trong một thời gian khá dài không thiếu những nhà trí thức, đại trí thức bị lầm hay bị lừa đi theo, ca tụng, cổ võ cho thuyết Mác-xít. Nhiều nhà duy vật còn cho rằng loài người đã từ lâu bị xiềng xích của tôn giáo kìm hãm, không tiến lên được. Nay thuyết cộng sản chủ trương vô thần, coi tôn giáo là thuốc phiện. Vậy thuyết đó đã giải phóng con người. Duy vật biện chứng của Mác cho nhiều người được tự do tuyệt đối không còn bị ràng buộc bởi sợi dây “luân lý đạo đức cổ hủ” nào. Thay vào đó chỉ có “đạo đức cách mạng” hướng dẫn sinh hoạt xã hội. Thậm chí có người còn dám nghĩ, tất cả mọi sự đều là của chung, thì vợ anh cũng là vợ tôi.

Vô tôn giáo, vô gia đình đi liền với vô tổ quốc. Vì theo ý thức hệ Mác-xít, trong tương lai, khi đã toàn thắng trên toàn cầu, thế giới đại đồng sẽ không cần chính phủ, nhà nước, không còn biên giới quốc gia nữa.

Dĩ nhiên không phải ai cũng tán thành một thế giới đại đồng kiểu đó. Và không thiếu triết gia, các nhà xã hội học lên tiếng phản bác thuyết duy vật vô thần. Nhưng phải công nhận, trong nhiều thập niên, nó đã được nhiều người tán thành, cổ vũ, quảng bá. Điều được tán thành hoan nghênh nhất trong học thuyết của Mác là tính xã hội của nó: Mác bênh dân nghèo! Mác kêu gọi vô sản (giai cấp bị bóc lột) toàn thế giới hãy đoàn kết chống tư bản (giai cấp bóc lột).

Nhưng, với tư cách là phương tiện hay vũ khí, ý thức hệ Cộng Sản chỉ là một mặt của chiến tranh ý thức hệ. Mặt khác mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là ý thức hệ nói chung chứ không phải một ý thức hệ cụ thể nào. Ý thức hệ được hiểu một cách chung chung là một hệ thống các ý tưởng. Nhưng trong trường hợp này, vũ khí hay phương tiện chiến tranh ý thức hệ còn có thể là một chuỗi các ý tưởng, dù có thành hệ thống hay không. Tuyên truyền chính trị hay vận động quần chúng chính là một thứ vũ khí chủ soái sử dụng các ý tưởng để đấu tranh hay tiến hành chiến tranh. Tuyên truyền hiểu theo nghĩa rộng nhất còn bao gồm chiến tranh tâm lý, chiến tranh cân não với mưu trí không giới hạn của các chiến lược gia.

Để tóm tắt phần I vào một câu, ta có thể nói: Ý thức hệ CS chẳng những là nguồn gốc, nguyên nhân đồng thời là cứu cánh của chiến tranh ý thức hệ, mà còn là phương tiện, là vũ khí dùng trong cuộc chiến.

Phần II: Ba giai đoạn chiến lược chính.

Để giải thích thêm về định nghĩa trên, chúng tôi xin tạm chia cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản ra làm 3 giai đoạn để minh họa bằng một vài sự kiện lịch sử có tính điển hình hay tương đối quan trọng.

2.1 Giai đoạn 1: Từ tuyên ngôn Cộng Sản (TNCS, đầu năm 1848) đến khi Lê-nin thành lập Quốc Tế III hay Quốc Tế Cộng Sản (Komintern, tháng 3, 1919).

Điều quan trọng nhất trong TNCS là đả phá quyền tư hữu. Mác và Engels cho rằng quyền tư hữu là nguồn gốc và căn nguyên của chế độ tư bản, một chế độ bóc lột.

Điều quan trọng thứ hai là nó gọi tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ tầng lớp bị bóc lột không dám đứng lên tranh đấu cho quyền lợi của mình.

Tuyên Ngôn CS kêu gọi tất cả những người lao động bị áp bức hãy vùng lên (đánh đổ giai cấp bóc lột).

Vì không suy nghĩ nhiều, và chưa có kinh nghiệm thực tiễn về những điều trên, nên ban đầu giới nghèo, giai cấp vô sản hân hoan hưởng ứng TNCS. Nhiều chính khách, học giả, nhất là một số nhà xã hội học cũng tán thưởng. Họ coi học thuyết của Mác như một phát minh có thể làm thay đổi bộ mặt thế giới.

Nhưng không thiếu những nhà tư tưởng, và nhất là lãnh tụ tôn giáo sớm nhận ra cái sai và coi học thuyết này là mối nguy cho xã hội.

Vậy là một cuộc đối đầu, xung đột về mặt tư tưởng, mặt lý thuyết đã thành hình. Chiến tranh ý thức hệ khai mào. Tuy nhiên lúc ấy chưa ai ý thức được đó là một cuộc chiến.

Trong số những người lên tiếng cảnh tỉnh nhân loại về hiểm họa CS ngay từ khi bản TNCS còn phôi thai là Giáo Hoàng Piô IX. (Xin xem lại cước chú 5.)

Sau đó ít lâu là Eugene von Bohm Bawerk đã viết nhiều sách phản bác những chủ đề chính yếu trong học thuyết Mác-xít. (Vẫn cước chú 5.)

Quốc Tế I bắt nguồn từ biến cố nước Nga đàn áp tàn bạo cuộc nổi dậy của công nhân Ba Lan, đầu năm 1863. Một số nhà xã hội thuộc nhiều xu hướng khác nhau từ Pháp, Ý, Đức, Bỉ sang Anh (một nước phát triển nhất về thương mại và công nghiệp lúc ấy), để cùng với những nhà xã hội học và công nhân Anh lập ra *Hội Công Nhân Quốc Tế* để bênh vực quyền lợi của công nhân trên thế giới. Họ họp nhau ở đại sảnh Thánh Martin, Luân Đôn. Chủ tọa là Edward Spencer Beesly. Tên của Mác ở cuối sổ. Nhưng dần dần Mác đã nổi bật lên và lãnh đạo tổ chức. Chính ông đã đọc diễn văn khai mạc Quốc Tế I vào ngày 27-10-1864. Tại đại hội I ở Genève (1866), QT1 đã đạt được thành tích là đưa vào chương trình đòi cho công nhân quyền được làm việc 8 giờ mỗi ngày.

Công Xã Paris (18-3-1871) thất bại ê chề đã làm giảm giá trị của ý thức hệ CS, mặc dù trong số những người chủ xướng và điều khiển nó cũng chỉ có một thiểu số là đồ đệ của Mác. Hơn nữa ngay từ đầu QT1 đã không có một cơ sở lý luận và đường lối thống nhất nên chẳng bao lâu sự chia rẽ trầm trọng giữa phe (vô chính phủ) của Bakunin và phe của Mác đã đưa đến sự giải tán QT1: Nhóm Bakunin (người Nga) muốn thách đố quyền lãnh đạo của Mác, khiến phe của Mác và Engels phải rời trụ sở sang Nữ Ước, rồi giải tán ở Philadelphia vào năm 1876. QT1 chỉ sống được 12 năm.

Sau khi Mác mất (1883) được 6 năm, các đồ đệ ông thành lập tại Paris một *liên minh quốc tế các đảng xã hội* thường được gọi là Quốc Tế II. Trụ sở đặt tại Brussels, thủ đô Bỉ. Đại hội Paris này gồm đại biểu giai cấp công nhân của 20 quốc gia. QT2 được thành lập trên nguyên tắc đã được vạch ra từ QT1. Nhưng đã thoát khỏi ảnh hưởng trực tiếp của Mác (đã qua đời).

Xướng xuất là đảng Dân Chủ Xã Hội (DCXH) Bỉ được sự hưởng ứng của các đảng DCXH Đức, Thụy Sĩ, rồi đảng Công Nhân Pháp... Hầu như nước nào ở Âu Châu cũng có một chi nhánh QT2. Như vậy từ QT1 đến QT2 đã có tiến bộ rõ rệt là thành viên thường là các đảng chính trị, có chủ trương đường lối chung. Tại mỗi nước thành viên đều có lập những công đoàn để ra tranh cử với các đảng cầm quyền. Qua các công đoàn này giai cấp công nhân đã tích cực tham gia vào những hoạt động chính trị được hướng dẫn. Nhưng đầu sao QT2 cũng chỉ nhắm những mục tiêu có tính cách giới hạn trong phạm vi xã hội, bằng các phương pháp ôn hòa. Phải đến QT3 cuộc đấu tranh mới quyết liệt hơn. Trong số các thành tích của QT2 các người CS thường nêu việc lấy ngày 1 tháng 5 làm ngày Quốc Tế Lao Động. Lê-nin trở

thành một thành viên trong ban lãnh đạo QT2 vào năm 1905. Quốc Tế II giải tán năm 1916 vì những bất đồng của các đảng thành viên đối với Thế Chiến I.

Hai Quốc Tế này là hai thời kỳ đấu tranh vẫn trong cuộc chiến ý thức hệ, nằm trong giai đoạn đầu, thực ra không đạt được thành tích gì đáng kể về mặt chính trị. Nhưng về mặt xã hội nó cũng khiến các xí nghiệp và công ty lớn thay đổi thái độ đối với công nhân và đưa ra được một vài cải tổ tiến bộ. Chính những thay đổi và cải cách đó lại đã chứng minh tư bản không giãy chết như Mác khẳng định. Theo Mác, căn cứ vào luật tất yếu của lịch sử giai cấp đấu tranh thì thế nào “chế độ tư bản” cũng bị hủy diệt.

Hai biến cố quan trọng trong giai đoạn này là cuộc “cách mạng” ở Pháp – gọi là Công Xã Paris (1871) – đã bị thất bại và sự ra đời của tác phẩm trứ danh *Tư Bản Luận* (*Das Capital*, 1867) của Mác.

Tóm lại trong giai đoạn 1, ý thức hệ CS chưa thực hiện được điều gì quan trọng khiến nền tự do của Con Người bị đe dọa. Trái lại có nơi có lúc nó đã gián tiếp giúp cải thiện được phần nào cuộc sống và bênh vực quyền lợi của giới lao động.

Dẫu sao qua bài diễn văn khai mạc QT1 Mác đã cổ vũ và kêu gọi giai cấp công nhân hãy tranh đấu để nắm được quyền lực chính trị. Nghĩa là cụ thể hóa lời kêu gọi của TNCS. Kết thúc bài diễn văn vẫn là “Vô sản các nước hãy đoàn kết lại.”

2.2 Giai đoạn 2: Từ Quốc Tế III hay Quốc Tế CS đến cuối Thế Chiến II.

Đây là giai đoạn chủ nghĩa Cộng Sản lan tràn khắp thế giới qua một loạt những đảng Cộng Sản được điều khiển và kiểm soát chặt chẽ bởi cái gọi là Quốc Tế III, hay Quốc Tế Cộng Sản (Komintern). Khi Lê-nin với đảng Bolshevik (đa số) thành công trong việc cướp chính quyền từ nhóm Menshevik (thiểu số) vào ngày 7-11-1917, thường được họ gọi là Cách Mạng Tháng 10 (theo lịch Nga), thì phong trào Cộng Sản bùng lên khắp thế giới. Các quốc gia nhược tiểu, nhất là những nước bị trị nhìn vào đó để tìm ra những phương lược đấu tranh giành chính quyền. Nhiều đảng CS mới được thành lập và số đảng viên tăng rất nhanh.

Chúng tôi vừa dùng cụm từ “cướp chính quyền” để nói về cái mà các tài liệu CS gọi là Cách Mạng Tháng Mười. Vì thực ra cuộc cách mạng của nhân dân Nga nhằm lật đổ vua Nicolas II là vị vua cuối cùng của triều đại Romanov đã xảy ra vào tháng 2 năm 1917. Sau cuộc Cách Mạng này, nhóm Mensheviks (đôi lập với nhóm Bolsheviks của Lê-nin) đã thành lập một chính phủ lâm thời do Alexander Kerensky làm thủ tướng và ấn định cuộc bầu cử vào năm 1918. Nhưng Lê-nin thấy không có hy vọng gì thắng trong cuộc bầu cử đó, nên đã làm đảo chính lật Kerensky. Tiếc rằng cuộc đảo chính ấy đã thành công khiến Kerensky phải chạy ra ngoại quốc, rồi mất tại Hoa Kỳ.

Từ đó Lê-nin thiết lập một chính quyền Xô Viết độc tài theo đúng lý thuyết của Mác. Tội ác dã man nhất là vụ tàn sát toàn bộ hoàng gia Nicolas II vào năm 1918, mở đầu những cuộc tàn sát đẫm máu sau này suốt trong thời gian CS cầm quyền tại Nga.

Năm 1919 (tháng 3) Lê-nin tập họp một số đảng cộng sản và đảng xã hội Âu Châu tại Moscow để thành lập Quốc Tế III cũng gọi là Quốc Tế Cộng Sản (Komintern). Tuy bề ngoài tổ chức này là tổ chức quốc tế với mục đích cách mạng toàn cầu, nhưng thực chất là một cơ quan do các đảng viên Bolshevicks của Nga chi phối điều khiển. Chủ tịch của QT III đầu tiên là Zinoviev, một lãnh tụ Nga Cộng, bạn của Lê-nin. Nhưng trong thực tế là do Lê-nin lãnh đạo. Các đảng CS các nước muốn vào tổ chức này phải chịu 21 điều kiện do Lê-nin đưa ra.

Trong thời gian đầu chế độ Xô Viết tại Nga đã thực hiện công cuộc hợp tác hóa nông, công nghiệp triệt để. Những hợp tác xã nông nghiệp, nông trường tập thể kiểu *Kolkhoze* đã khiến nền kinh tế bị phá sản. Cái gọi là Chính Sách Kinh Tế Mới (New Economy Policy, viết tắt là NEP) được ban hành. Hơn nữa cuộc nội chiến với phái Bạch Nga trong những năm đầu bắt buộc các nhà lãnh đạo Nga Xô phải nới lỏng sự kiểm tỏa. Đây là một bước lùi theo sách lược “một bước tiến, hai bước lùi”^[7] của Lê-nin.

Khi mới thành lập QT III, Lê-nin đã phái những đảng viên Nga Cộng cỡ Dimitri Manuilsky hay Gregory N. Voytinsky sang những nước quan trọng như Pháp hay Trung Hoa để lôi kéo, chuyển hóa các đảng xã hội hoặc đặt những cái nhân cho một đảng Cộng Sản tương lai. Cứ thế, phong trào Cộng Sản do Nga Xô lãnh đạo dần dần xâm lấn vào các nước trên thế giới để mở rộng “đế quốc Liên Xô” sau này.

Trong thời gian từ khi QT III ra đời (1919) cho đến khi bị Stalin giải tán (1943), có 7 đại hội. Bốn đại hội đầu được tổ chức đều đặn mỗi năm một lần. Rồi 2 năm sau mới có đại hội V. Rồi 4 năm sau mới có đại hội VI. Và cuối cùng phải 7 năm sau mới có đại hội VII, cũng là đại hội cuối cùng. Lúc này trên toàn thế giới đã có tới 76 đảng Cộng Sản, với 3,140,000 đảng viên. Sở dĩ càng ngày các đại hội càng thưa, là vì phần lớn những chính sách quan trọng đều do đảng Cộng Sản Nga do Stalin lãnh đạo quyết định. Vai trò của các đảng khác trên thế giới càng ngày càng lu mờ. Đứng ra họ chỉ còn biết ngoan ngoãn tuân thủ những chỉ thị của Liên Xô. Những ai tỏ dấu chống đối như Manabendra N. Roy thuộc đảng Ấn Cộng đều bị khai trừ, dù ông này đã lên đến địa vị ủy viên chính trị của QT III.

Sau khi Hitler lên cầm quyền ở Đức (1933) và tìm cách diệt Cộng Sản thì năm 1935 Stalin đã dẫn dắt đại hội 7 của QT III ra nghị quyết liên minh với các thành phần không phải vô sản, kể cả những thành phần dân tộc của mọi quốc gia, để tập trung mũi nhọn tấn công vào “Phát Xít Đức”. Đó là lúc Mặt Trận Bình Dân ra đời ở Pháp. Tại Việt Nam, với Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc, chống Phát-xít, những khẩu hiệu sắt máu thời Xô Viết Nghệ Tĩnh tạm gác lại, thái độ chống thực dân Pháp trở nên hòa hoãn.

Nhưng rồi đến năm 1939 Liên Xô lại ký kết một hiệp ước bất tương xâm với Đức Quốc Xã. Sách lược đấu tranh chống các cường quốc Tây Phương lại quay trở lại 180 độ. Cho đến khi vào giữa thế chiến II, khi Liên Xô muốn hòa hoãn với các nước Tây Phương để có được sự ủng hộ chống Phát Xít Đức, thì Stalin bèn cho giải tán luôn Quốc Tế III. Đó lại là một bước lùi nữa theo sách lược Lê-nin (đã chết được 9 năm rồi).

Không hiểu chiến lược sách lược của Lê-nin, đã được vạch sẵn trong *Những Nguyên Lý của Chủ Nghĩa Lê-nin*, thì cho rằng Cộng Sản lúng túng, hay tiền hậu bất nhất, chỉ vì quyền lợi của Liên Xô. Nhưng thực ra mục tiêu cuối cùng, mục tiêu chiến lược số một là xích hóa toàn cầu của Cộng Sản không hề thay đổi. Họ chỉ thay đổi những bước đi sách lược giai đoạn, tùy theo cái mà Stalin gọi là Cao Trào hay Thoái Trào.

Có thể so sánh sự giải tán QT III này với việc Hồ Chí Minh giải tán đảng CS Đông Dương ngày 11-11-1945. Vì cũng như Liên Xô vẫn tiếp tục lãnh đạo các đảng CS thế giới, để rồi 4 năm sau tái lập một tổ chức Cộng Sản Quốc Tế mới không khác gì QTCS (Komintern) là Phòng Thông Tin Cộng Sản (Kominform), vào năm 1947, ông Hồ cũng tiếp tục điều khiển đảng CS dưới cái tên Hội Nghiên Cứu Mác-xít, để rồi sau đó 6 năm ông lại cho tái lập thành đảng Lao Động.

Trong bình diện Việt Nam cũng như bình diện quốc tế, đó chỉ là một sách lược giai đoạn, trong khi mục tiêu chiến lược toàn bộ vẫn không thay đổi: Bá chủ thế giới. Nhiều người cho rằng bá chủ thế giới dưới quyền của đế quốc Liên Xô. Cũng có lý. Nhưng Liên Xô, dù trong thâm tâm muốn bá chủ thế giới vẫn phải lãnh đạo các đảng Cộng Sản địa phương với chiêu bài thế giới đại đồng của giai cấp vô sản, theo đúng kinh điển Mác-xít. Có thể mới đánh lừa và lôi kéo được các nước hay đảng vệ tinh xa thân dưới sự lãnh đạo của Liên Xô.

Nhìn vào cung cách đảng Cộng Sản Liên Xô hy sinh một số đảng viên CS Đức hay Ba Lan trong thời gian Liên Xô ký kết với Đức, hoặc thời gian giao hảo với Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên, Liên Xô đã bỏ rơi các đồng chí Trung Cộng, nhiều người có thể coi đó là những bằng chứng rằng Liên Xô chỉ nghĩ tới sự bành trướng đế quốc Liên Xô, chứ không vì lý tưởng thế giới đại đồng của giai cấp vô sản. Nhưng nếu nghiên cứu sách lược giai đoạn của Lê-nin theo “cao trào và thoái trào” hoặc tác phẩm *Một Bước Tiến Hai Bước Lùi* thì thấy Lê-nin đã tiên liệu một cách giải thích về những bước đi khi tiến khi thoái của phong trào CS thế giới. Những đồng chí bị hy sinh hay bỏ rơi có thể lấy làm tự hào vì được hy sinh cho lý tưởng Cộng Sản.

Ngày nay nhìn lại lịch sử Trung Cộng trong hai lần liên minh với Quốc Dân Đảng Trung Hoa các sử gia không thể không thán phục đường lối đấu tranh của CS: Bề ngoài giao hảo, nhưng bề trong ngầm hãm hại, đánh phá đối phương. (Xin xem cước chú 1, trang 41 cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản* của Minh Võ, tái bản lần 2 tại Mỹ năm 2007.)

2.3 Giai đoạn 3: Từ cuối Thế Chiến II đến khi Liên Xô tan rã.

Trong giai đoạn 2 ta đã thấy Liên Xô tấn công thế giới tự do bằng các đảng Cộng Sản địa phương, dùng các đảng này như những đầu cầu để tiến chiếm dần dần các lãnh thổ do các chính phủ phi cộng sản cai trị. Nhưng phải cho đến cuối Thế Chiến II âm mưu này mới lộ rõ.

Không kể những xứ tại vùng Baltic như Latvia, Estonia, và Lithuania, bị Liên Xô sát nhập từ 1944, một số các nước Đông Âu khác, trong đó quan trọng nhất là Ba Lan đã

bị Liên Xô tráo trở không chịu thi hành đúng đắn những thỏa thuận giữa tam cường tại hội nghị Yalta (đầu tháng 2-1945), là phải để cho các nước này được tự do chọn lựa thể chế chính trị bằng những cuộc bầu cử tự do. Họ dùng các đảng Cộng Sản tại chỗ của những nước đó để biến chúng thành những nước Cộng Sản, dưới sự chi phối của Liên Xô. Hồng Quân Liên Xô đánh đuổi quân Đức đến đâu coi như Liên Xô có quyền chiếm đóng tới đó. Stalin ngay từ tháng 4 năm 1945 đã nói trắng ra: “*Cuộc chiến này không giống như trong quá khứ. Bất cứ ai chiếm đóng một lãnh thổ nào thì cũng áp đặt trên đó hệ thống xã hội của mình. Quân đội bên nào tiến vào lãnh thổ nước nào, thì áp đặt hệ thống của mình trên lãnh thổ nước đó. Không thể khác được.*”^[8]

Hội nghị Yalta là một trận đánh bằng vũ khí phi vũ trang đầu tiên giữa Cộng Sản và thế giới tự do trong giai đoạn 3, trong đó phe tự do đã bị đo ván, và học được bài học về quả lừa của đối phương. Nhiều người quy lỗi cho Tổng Thống Mỹ Franklin D. Roosevelt, đang bị bệnh, chẳng còn sống được bao lâu nữa nên đã mất sáng suốt, để Stalin đánh lừa.

Sau khi Âu châu đã hoàn toàn giải phóng, tam cường Anh Mỹ Nga lại họp tại Potsdam để bàn chuyện chiếm đóng sau thế chiến. Tại hội nghị này Truman thay Roosevelt, Atlee thay Churchill ở đoạn cuối. Phía Liên Xô vẫn Stalin với thái độ gian ngoan để chiếm ưu thế. Lại một vở đầu nữa cho thế giới tự do.

Bù lại, kế hoạch Marshall, công trình của Ngoại Trưởng Đại Tướng George C. Marshall, và Thứ Trưởng Dean G. Acheson (sau thành ngoại trưởng của chính quyền Truman) đã làm cho khối cộng lúng túng. Kế hoạch này nhằm viện trợ tái kiến thiết các nước châu Âu, kể cả các nước trong khối cộng. Nhưng Liên Xô đã thẳng thừng từ chối. Có lẽ vì họ biết được thâm ý của người chủ trương là đồng thời cũng nhằm lôi kéo các nước Cộng Sản tách xa khỏi Liên Xô. Ngoại trưởng Nga Molotov gọi kế hoạch này là “Đô La của bọn Đế Quốc”. Thực ra số tiền mà kế hoạch này chi ra từ 1947 đến 1951 đã lên đến gần 13 tỉ Mỹ Kim thời ấy.

Để đương đầu với vũ khí “phi vũ trang này” năm 1949 Liên Xô đã thành lập khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance), tức Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế. Đó là chưa kể năm 1947 họ đã cho tái lập tổ chức Quốc Tế Cộng Sản dưới cái tên nhẹ nhàng hơn là Phòng Thông Tin Cộng Sản (COMINFORM)

Đứng trên bình diện chiến lược sách lược và kỹ thuật chiến tranh ý thức hệ mà nói, thì các hội nghị Yalta, Potsdam, hay kế hoạch Marshall và COMINFORM, COMECON chính là những hình thức đấu tranh, chẳng khác gì những vũ khí tối tân lúc ấy mà hai bên dùng để “oanh kích” nhau.

Nhìn một cách phiến diện thì chỉ thấy kế hoạch Marshall và COMECON là hai tổ chức kinh tế. Nhưng nếu tìm hiểu đến nguồn gốc thì sẽ thấy những tác giả đều nhắm 2 mục tiêu vừa kinh tế vừa chính trị. Kế hoạch Marshall không phải chỉ nhằm mục đích tái thiết Âu châu đã bị tàn phá vì chiến tranh, mà còn nhằm tranh thủ nhân dân các nước Tây Âu, không để họ bị khối Cộng lung lạc, thu hút. Đó là về mặt thế thủ. Về mặt thế công nó còn nhằm lôi kéo nhân dân các nước Đông Âu, kể cả Liên Xô,

hãy từ bỏ thể chế độc tài để có thể nhận viện trợ của các cường quốc Phương Tây, tức cũng là của thế giới tự do.

Về phía khối Cộng, thành lập hội đồng tương trợ kinh tế (COMECON) cũng là để hóa giải sức tấn công của kế hoạch Marshall. Đồng thời lập nên một khối vừa chính trị, vừa quân sự để trả đòn Tây Phương.

Hai năm sau Tổ chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ra đời cũng nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Khối Cộng. Ngoại Trưởng Dean Acheson là người rất tích cực trong việc ngăn chặn làn sóng đỏ. Ông rất hăng hái ủng hộ Đài Loan, và Pháp ở Đông Dương cũng vì mục đích chống cộng.

Khi Trung Hoa Lục Địa bị xích hóa, thì các nước Tây Phương càng nhận rõ mối nguy của Cộng Sản hơn nữa. Cộng Sản đã nhuộm đỏ gần một phần ba thế giới rồi! Những Ngoại Trưởng Dean Acheson và John Foster Dulles, và Tổng Thống Dwight Eisenhower là những người nhìn thấy rõ mối nguy đó. Một loạt các tổ chức liên phòng như CENTO (Trung Đông), SEATO (Đông Nam Á), ANZUS (Úc-Mỹ-Tân Tây Lan) được thành lập. Mục đích: ngăn chặn làn sóng đỏ.

Không những các cường quốc trong Thế Giới Tự Do đưa ra những biện pháp quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao nhằm ngăn chặn làn sóng đỏ. Siêu cường Mỹ lúc ấy còn áp dụng cả những biện pháp tâm linh vừa có tính siêu hình, vừa phản ánh, ít ra là về một phương diện nào đó, một kỹ thuật tuyên truyền bằng biểu tượng. Chúng tôi muốn nói đến việc (năm 1953) Tổng Thống Dwight Eisenhower ký đạo luật cho in và khắc 4 chữ “IN GOD WE TRUST” trên các tờ Mỹ Kim và các đồng tiền lẻ bằng kim loại. Đó là một cách tuyên xưng Đức Tin, một quyết định tập thể của toàn thể chính quyền, hành pháp cũng như lập pháp, đồng thời của toàn dân Mỹ sử dụng đến vũ khí linh thiêng chống lại tà thuyết vô thần, vô tôn giáo, vào lúc nó tràn lan hầu như sức loài người không ngăn chặn nổi.

Với sức mạnh kinh tế vượt trội của Hoa Kỳ, đồng Mỹ Kim xuất hiện hầu khắp nơi. Các nhà vô thần khi cầm nó trong tay, không thể không nhìn vào 4 chữ trên. Họ như cảm thấy mình bị tấn công không có cách gì né tránh.

Theo thiên kiến, đây là một hình thức chiến tranh ý thức hệ cao siêu mà chỉ có những lãnh tụ sùng đạo như Dwight Eisenhower^[9] hay John Foster Dulles vân vân... mới nghĩ ra.

Dĩ nhiên các cường quốc Tây Phương cũng áp dụng những biện pháp tự nhiên thông thường khác của con người, trong đó có cả lực lượng vũ trang: Chiến tranh Triều Tiên. Chiến tranh Việt Nam. Sự qua phân lãnh thổ hai quốc gia này.

Cuộc chiến Việt Nam, nhen nhúm từ thập niên 20, khởi sự bộc lộ từ khi Việt Minh cướp chính quyền ngày 19-8-1945. Ở trên đã nói về việc Lê-nin tổ chức cướp chính quyền ở Nga, tự mệnh danh là cách mạng tháng Mười. Hồ Chí Minh cũng dùng kỹ thuật tuyên truyền và vận động quần chúng (Agit-Prop) để cướp chính quyền từ chính phủ Trần Trọng Kim tương tự như vậy. Với một số cán bộ thông thạo về Agit-

Prop cỡ Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp (với chỉ một trung đội, gọi là đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân), ông Hồ, tổ sư về nghệ thuật tuyên truyền được coi như nhạc trưởng đại hòa tấu (chef d'orchestre) đã thành công như Lê-nin đã thành công tại Nga.

Cũng tại Việt Nam, miền Nam, thời gian sau hiệp định Genève cho đến tháng 11 năm 1963 là thời gian cuộc chiến mang màu sắc chiến tranh ý thức hệ rõ rệt nhất. Tuy vào giai đoạn chót, (từ cuối 1962) đã bắt đầu có những trận đánh cấp tiểu đoàn, nhưng nói chung cuộc chiến của CS nặng về du kích, phá hoại, ám sát, bắt cóc và tuyên truyền. Còn về phía Việt Nam Cộng Hòa chiến sự nặng về chiến tranh tâm lý, “tố cộng”, tuyên truyền, thuyết phục và chiêu hồi. Công tác quân sự chỉ ở trong phạm vi nhỏ, “bình định”.

Sau khi ông Diệm bị giết, tình hình an ninh nguy kịch, khiến Hoa Kỳ phải đem đại quân vào, (hay người ta giết ông Diệm, để có thể đem đại quân vào), thì về mặt chiến tranh ý thức hệ, cuộc chiến Việt Nam đã mang một sắc thái khác. Hoạt động quân sự từ cả hai phía leo thang. Những trận đánh lớn làm chết hàng ngàn người. Phía CS rất “vui” vì sự hiện diện của những đơn vị tác chiến Mỹ trên chiến trường miền Nam. Toàn khối Cộng yểm trợ Bắc Việt bằng những chiến dịch tuyên truyền rầm rộ rằng Hoa Kỳ xâm lược và hô hào toàn thế giới ủng hộ Bắc Việt, toàn dân Việt Nam hãy đoàn kết diệt “đế quốc” Mỹ. Sau này chẳng những Tổng Thống Nixon của đảng Cộng Hòa, mà cả Tổng Thống Johnson, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, Thống Tướng Maxwell Taylor của đảng Dân Chủ cũng nhìn nhận đó là lỗi lầm nguy kịch của chính quyền Mỹ, lúc ấy do đảng Dân Chủ lãnh đạo.

Đặc biệt là một số nhà báo Mỹ thiên tả không hiểu thực chất chiến tranh ý thức hệ của CS đã coi phe Hồ Chí Minh có chính nghĩa, (cũng như trước đó họ coi Ngô Đình Diệm chỉ là bù nhìn của Mỹ, quá thua kém HCM, cần phải lật đổ). Họ đã hô hào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh. Mặc nhiên họ đã trở thành những sư đoàn (*Mỗi ngôi bút là một sư đoàn*), những đạo quân nội phản từ trong lòng tổ quốc giao chiến chống tổ quốc, làm lợi cho kẻ thù. Tổng Thống Nixon trong cuốn *The Real War*^[10] đã nhắc lại lời của Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói với Sir Robert Thompson rằng chỉ có báo chí Mỹ mới có thể làm cho thất trận. Ai cũng đã biết đó là những nhà báo như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne..., đã từng hét lời ca tụng Hồ Chí Minh và cũng lớn tiếng mạt sát Ngô Đình Diệm và hô hào phản chiến.

Nếu đã biết Cộng Sản là sự ác, là kẻ thù của nhân loại, thì việc Mỹ đem đại quân vào để chống Cộng là việc chính đáng. Nhưng cần phải có 3 điều kiện:

Thứ nhất, phải bằng các phương tiện truyền thông làm cho nhân dân hai miền Nam Bắc Việt Nam, cũng như nhân dân và các giới chức dân cử Hoa Kỳ thấy rõ lý do của cuộc chiến. Và trong công tác này, báo giới phải giác ngộ trước và phải đi đầu. Chuyện này đã không thể có vì phần lớn báo chí đã bị đầu độc, hoặc không biết rõ về chiến tranh ý thức hệ CS. Nên không thể làm được. Chẳng những thế, họ đã làm ngược lại hoàn toàn.

Thứ hai, phải tôn trọng công pháp quốc tế và giữ đúng thủ tục ngoại giao. Nghĩa là phải có một hiệp ước song phương với chính quyền miền Nam. Điều này đã không có.

Thứ ba, tư lệnh chiến trường phải ban hành kỷ luật nghiêm minh cho quân sĩ giữ đúng tác phong của một đoàn quân giải phóng, có chính nghĩa. Phải tôn trọng phong tục tập quán của địa phương. Phải tôn trọng, bảo vệ tài sản, sinh mạng của nhân dân địa phương. Phải phổ biến đến từng người lính của những đơn vị nhỏ nhất để mọi người thấu triệt về lý do chính đáng của cuộc chiến: tự vệ, bảo vệ quyền con người, bảo vệ sự tồn vong của nhân loại..., chứ không phải vì quyền lợi của chính phủ Mỹ. Điều này tuy cũng có nhưng không đủ. Vì thế có một số (tuy không nhiều) sĩ quan Mỹ hống hách, lấn quyền các sĩ quan Việt Nam. Một số đơn vị phạm những lỗi lầm nghiêm trọng liên quan đến sinh mạng nhân dân Việt Nam. Trong số những lỗi lầm đó, vụ Mỹ Lai được khối Cộng khai thác triệt để. Trong khi đó vì không coi trọng tuyên truyền, nên phía VNCH và đồng minh đã bỏ qua, hay không khai thác đúng mức những vụ tương tự của Cộng quân. Một khuyết điểm quan trọng nhất trong vấn đề này, là thiếu hẳn một kế hoạch rộng lớn nhằm giải thích cho nhân dân Việt Nam cả hai miền Nam Bắc, cùng nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới thấy rõ mục tiêu chiến lược của Việt Nam Cộng Hòa và phe Đồng Minh chỉ là tự vệ chống lại sự xâm lăng của CS Quốc Tế. Và nhiệm vụ chiến lược này phải do báo chí đảm trách. Tiếc rằng báo chí Mỹ đã chẳng những không làm, mà còn làm ngược lại.

Vì thiếu ba điều kiện đó, nên cuộc chiến tự vệ đáng lý có chính nghĩa lại bị CS dùng tuyên truyền tinh vi tố cáo là chiến tranh xâm lược. Tiếc rằng nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới, phần lớn đã tin luận điệu của CS. Cho đến ngày nay sự tin tưởng đó có suy giảm. Nhưng vẫn còn ở mức cao, cản trở mọi nỗ lực chống Cộng, và cô vũ cho dân chủ tự do trong nước.

Vì sớm nhận ra lỗi lầm to lớn về chiến lược đó, nên Tổng Thống Richard M. Nixon đã bằng mọi giá cố rút chân ra khỏi bãi lầy Việt Nam. Khó khăn lắm. Vì Việt Cộng, được sự ủng hộ của khối Cộng và dư luận hoàn vũ, vừa ngoan cố, giằng co trong hòa đàm, vừa tung hết lực lượng vào chiến trường. Nhưng nhờ có những sáng kiến đáng ngạc nhiên, Nixon đã thành công.

Tuy nhiên phải công nhận, và chính Nixon cũng phải nhận, Mỹ đã thất trận ở Việt Nam. Nói cách khác Mỹ đã thua tại một tiền đồn là Việt Nam.

Nhưng sự kiện gần một triệu người bỏ trốn Cộng Sản, bắt chập mọi hiểm nguy đến tính mạng, đã tạo nên một thứ vũ khí mới cho một chiến trường mới. Thế giới có một cái nhìn rõ hơn về thực chất Cộng Sản. Vẫn trong trang sách nói trên, Tổng Thống Nixon đã viết: *“Ý nghĩa của Thế Chiến III đã được viết lên một cách rõ ràng và hùng hồn trên gương mặt của các thuyền nhân Việt Nam.”*

Chính vì sự kiện “bỏ phiếu bằng chân” này, và vì sức chiến đấu anh dũng bền bỉ của biết bao chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, khiến Bắc Việt tuy thắng nhưng đã kiệt quệ về mọi mặt không còn đủ sức thừa thắng tiến lên thôn tính các nước lân bang, theo

thuyết Đô-mi-nô của Tổng Thống Eisenhower. Chứ không phải dự đoán của ông không có cơ sở, như nhiều người nhận định một cách hời hợt.

Từ đó, rút kinh nghiệm Việt Nam, Nixon đã nghiêng hẳn về những chiến lược phi vũ trang nhắm vào chính tổng hành dinh của khối Cộng ở Liên Xô và nhắm vào nước Cộng Sản đông dân nhất là Trung Quốc. Salt II với Liên Xô. Thông Cáo Chung Thượng Hải với Trung Cộng.[\[11\]](#) Nhượng bộ Trung Cộng phần nào (vâng, chỉ một phần nào thôi) về vấn đề Đài Loan. Mở đường cho Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc và tiến dần đến việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh. Bề ngoài xem ra là những bước lùi. Nhưng thực chất là những đòn tấn công tài tình về chiến lược lâu dài. Nixon đã tách được Trung Cộng ra khỏi Liên Xô, làm suy yếu khối Cộng, dọn đường cho Ronald Reagan, George Bush (cha) tiếp tục những chiến lược phi vũ trang tương tự liên tiếp tấn công khối cộng cho đến khi Liên Xô và toàn khối Đông Âu sụp đổ, tan rã.

Nixon đã dàn binh bố trận ra sao để mở đường đưa tới chiến thắng? Tác phẩm trứ danh của ông nhan đề 1999, *Chiến Thắng Không Cần Chiến Tranh*,[\[12\]](#) cho thấy một số câu trả lời. Trong tác phẩm này Nixon đã tiên tri rằng sẽ có chiến thắng vào năm 1999. Thực ra đại thắng đã đến trước lời tiên đoán của ông 8 năm. Nhưng lời nói *chiến thắng không cần chiến tranh* thì quá đúng. Trong cuốn sách này ông đã nêu lên ba công tác chiến lược đại quy mô nằm gọn trong 3 động từ: Deter, Compete, Negotiate. Răn đe, thi đua, thương thuyết. Cứ việc theo lộ đồ ấy mà đi, những Reagan, Bush (cha) đã hoàn thành sứ mạng mà Nixon trao phó.

Nên nhớ rằng trước khi mở toang thành trì kiên cố cho đối phương tiến vào triệt hạ, lãnh tụ khối Cộng Mikhail Gorbachev đã đi gặp Bush, rồi Giáo Hoàng John Paul II. Sau này chính ông đã nhìn nhận vai trò quyết định của Reagan, Bush và John Paul II trong việc chấm dứt chiến tranh lạnh và tái lập hòa bình thế giới. Giáo Hoàng không có một lực lượng vũ trang nào. Còn Reagan thì không hề phải dùng đến vũ khí “chiến tranh các vì sao”.

Cái gì đã khuất phục và biến đổi hoàn toàn con người của Gorbachev khiến ông ta được lãnh giải Nobel Hòa Bình? Đó là chiến lược tài tình về sự sử dụng những vũ khí “phi vũ trang” (trường hợp này chỉ đơn sơ là những cuộc hội đàm hay thương thuyết) trong chiến tranh ý thức hệ. Tuyệt nhiên không cần dùng đến vũ khí nguyên tử, hay hệ thống lá chắn thuộc về cái gọi là chiến tranh giữa các vì sao (Star war). Nhưng những thứ đó chính là chiến lược “răn đe ngăn chặn” (deterrence) của Nixon. Xin hãy nhìn vào sự sụp đổ của Ba Lan, mở đầu cho những sụp đổ dây chuyền, như những quân cờ đô-mi-nô, của các nước cộng sản Đông Âu để thấy rõ điều đó. Chỉ trừ ở Romania, là có những trận đánh tổn thất nặng về nhân mạng.

Xin có một lời cuối về thực chất chiến tranh ý thức hệ. Tuy vũ khí chủ yếu là “phi vũ trang”. Nhưng nó không loại trừ các vũ khí thông thường cổ điển. Bởi vì chiến tranh ý thức hệ CS là một thứ “toàn bộ chiến” theo quan điểm của Karl von Clausewitz rất được Engels và Lê-nin tâm đắc và áp dụng. Cho nên không nên thắc mắc về những trận đánh ở Trung Hoa, Triều Tiên và Việt Nam, cũng như cuộc chiến đẫm máu tiêu diệt tàn dư của chế độ Ceausescu ở Romania, hay các cuộc đàn áp đẫm máu các cuộc

nổi dậy lịch sử của nhân dân các nước Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung và Việt Nam tại Praha, Poznan, Budapest và Quỳnh Lưu v.v...

Dựa vào quan điểm chiến tranh cổ điển, nhiều người nhất định cho rằng những vụ trên chỉ là những điểm nóng tạm thời trong cuộc chiến tranh lạnh, không đáng kể trên bình diện toàn cầu, không cho phép gọi đó là thế chiến 3 được. Phần đông các chiến lược gia theo quan điểm cổ điển đó cho rằng chỉ khi nào xảy ra chiến tranh nguyên tử giữa hai khối Đông và Tây lúc ấy mới gọi là thế chiến 3.

Nhưng theo định nghĩa chiến tranh ý thức hệ mà chúng tôi đã đưa ra ở phần đầu, và theo quan điểm chiến tranh phi vũ trang của Nixon và một số chiến lược gia am hiểu về Cộng Sản, thì đây chính là thế chiến 3. Tám người gọi nó là thế chiến 3 đều cho rằng *lúc ấy* CS thắng vì họ biết họ đang ở trong thế chiến 3, còn phía thế giới tự do thì đang thua, vì không biết mình đang lâm chiến hay hưởng hòa bình (trong chiến tranh lạnh!). [13] Khi Robert Strausz-Hupé nói câu đó là năm 1959, 2 năm sau khi Liên Xô đi trước Mỹ trong việc phóng thành công phi thuyền không gian Sputnik, 5, 6 năm sau khi Cộng Sản đã chiếm được một nửa Triều Tiên, một nửa Việt Nam, và 10 năm sau khi lục địa Trung Hoa bị nhuộm đỏ.

Phần III: Đặc tính của chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản.

Theo 4 phần của định nghĩa và 3 giai đoạn của chiến tranh ý thức hệ nêu trên, thì cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản có 3 đặc tính sau đây: Toàn cầu, toàn diện và trường kỳ.

3.1 Tính toàn cầu: Vì nó xuất phát từ đấu tranh giai cấp. Mà giai cấp thì trên khắp địa cầu, nước nào cũng có. Mác kêu gọi giai cấp vô sản (proletariat), mà tiêu biểu là công nhân, đứng lên đánh đổ giai cấp tư bản, vì cho rằng giai cấp tư bản bóc lột giai cấp vô sản. Nhưng thực ra đối với Mác, và các người Cộng Sản nói chung, mọi giai cấp đều là kẻ thù của vô sản. Trí thức, phú nông, địa chủ, kì hào... đều cần phải đào thải. *Trí Phú Địa Hào, đào tận gốc, tróc tận rễ.*

Nói công nhân là nói giai cấp chiếm đa số trong các nước công nghiệp cực thịnh như Anh, Mỹ, Pháp, Đức... trong thời đại Mác. Nhưng chủ nghĩa Mác lại được Lê-nin áp dụng thành công (tạm thời) trước tiên tại nước Nga, là nước chưa phát triển về công nghiệp. Đúng ra Nga lúc ấy chỉ là một nước nông nghiệp. Vì vậy những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhất tại Nga, cũng như tại Trung Quốc, và phần lớn các quốc gia Cộng Sản thời ấy là cuộc đấu tranh của bản nông chống địa chủ dưới sự thúc đẩy của các đảng Cộng Sản. Đó là lý do tại Liên Xô, rồi Trung Quốc, rồi Việt Nam đã lần lượt xảy ra những cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu. Nhưng để khỏi bị phê phán là đi ngược đường lối đấu tranh của tổ sư Mác, Lê-nin vẫn đưa ra nguyên tắc giai cấp công nhân là đội tiên phong. Nhưng phải liên minh với giai cấp bản nông. [14] Gọi tắt là liên minh công nông.

Ngoài tính giai cấp ra, thuyết Mác-xít còn chủ trương phá bỏ quyền tư hữu vì cho rằng vì nó mà nảy sinh chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc mọi tội lỗi đối với xã hội nói

chung, và đặc biệt, đối với giới vô sản nói riêng. Nhưng thực ra quyền tư hữu là quyền căn bản của con người. Tạo Hóa tạo dựng con người, ngay từ sơ khai ai cũng tự cho mình có quyền có của riêng, trong đó có quyền tự do là quyền tối thượng. Vì thế chống quyền tư hữu là chống nhân loại khắp hoàn cầu. Cứ nhìn vào sự thất bại thảm thương của các hợp tác xã kiểu *Kolkhoze* ở Nga, hợp tác xã vĩ đại kiểu *công xã nhân dân* ở Trung Quốc, hay các chính sách hợp tác hóa công nông thương nghiệp, cấp thấp rồi cấp cao ở Việt Nam thì đủ thấy: đi ngược lại luật tự nhiên về quyền tư hữu là tai họa.

Tuy có nhiều người bào chữa cho Cộng Sản nói rằng Cộng Sản chỉ chủ trương công hữu hóa các phương tiện và tư liệu sản xuất, chứ không chủ trương xóa bỏ mọi quyền tư hữu. Nhưng đọc Tuyên Ngôn Cộng Sản, thì thấy không hề có sự phân biệt hay giới hạn đó. Công hữu hóa các phương tiện sản xuất là bước đầu sẽ dẫn tới “tất cả đều là của chung”: Cộng sản.

Cứ đọc, hay nghe, những lời kêu gọi vô sản thế giới hãy đoàn kết lại, hay hãy vùng đứng lên mà từ tổ sư Mác cho đến các lãnh tụ Cộng Sản sau này đều dùng nó để kết thúc Tuyên Ngôn CS, và các diễn văn quan trọng, cũng đủ thấy tính toàn cầu của cuộc chiến.

Hơn nữa chính những tổ chức Cộng Sản đều mang hai từ Quốc Tế. Nghĩa là toàn cầu. Quốc Tế I, Quốc Tế II, Quốc Tế III, và Quốc Tế IV.

Cho đến năm 1935, ở đại hội VII của Quốc Tế III trên toàn thế giới đã có tới 76 đảng cộng sản.[\[15\]](#) Tất cả đều là những mũi nhọn xung kích nhắm vào thành trì các quốc gia sở tại. Hàng loạt các quốc gia bị đe dọa tấn công. Và thực sự tại nhiều quốc gia, những đảng cộng sản đã thành công trong việc đánh chiếm chính quyền, áp đặt chế độ cộng sản (mà họ thường gọi bằng một cụm từ nhẹ nhàng văn vẻ hơn: xã hội chủ nghĩa).[\[16\]](#)

Khi Cộng Sản đã chiếm được một phần ba nhân loại rồi, các lý thuyết gia, các học giả và chính khách Mỹ mới nhận ra tính toàn cầu của chiến tranh ý thức hệ cộng sản. Nhiều người bắt đầu gọi đó là Thế Chiến III, hay World War III (WWIII). Nhưng phần đông vẫn không ý thức được tính nghiêm trọng của vấn đề, vẫn dè dặt chỉ gọi đó là chiến tranh lạnh. Lạnh hay nóng, nó là thế chiến thì đáng lý phải gọi đúng tên của nó là Thế Chiến III.

Từ 1998, trong cuốn *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, chúng tôi đã nêu lên những người đầu tiên (ít nhất theo sự hiểu biết của tôi) dùng mấy chữ *thế chiến 3*. Đó là giáo sư Robert Strausz-Hupé cùng với 3 đồng tác giả với ông, và người điếm cuốn sách *Protracted Conflict* (Xung Đột Trường Kỳ) của Strausz-Hupé, là Max Eastman. Tác phẩm xuất bản năm 1959. Bài điếm báo đăng trên *The Reader's Digest* năm 1961. Sau này (đầu tháng 5-1975) nhà văn giải Nobel Alexander Solzhenitsyn đã dùng lại.[\[17\]](#) Và trong cuốn *The Real War* Tổng Thống Richard Nixon cũng trưng dẫn Brian Crozier (tác giả cuốn *Strategy of Survival*, tạm dịch: Chiến Lược Để Sống Còn) cũng nói rằng các chiến lược gia thế giới Tây Phương cứ ngỡ thảm họa thế

chiến 3 sẽ phải là thế chiến nguyên tử đã chẳng bao giờ xảy ra. Trong khi đó, thực tế thế chiến 3 đang xảy ra trước mũi họ mà không biết.

Một cuộc chiến thực sự đã xảy ra trên bình diện quốc tế. Nó có tính toàn cầu. Vậy không từ nào chính xác hơn để gọi nó: Thế chiến III. Vì không nhìn ra sự thực phủ phàng ấy, nên trong một giai đoạn dài, thế giới tự do đã thua. Thua đậm nhất là tại Việt Nam. Chỉ cho đến khi những Nixon sực tỉnh nhận ra tại sao mình thất bại và cố bằng mọi giá rút chân ra khỏi vũng lầy Việt Nam, rồi kêu toáng lên *Đừng Việt Nam Nào Nữa (No More Vietnams)* thì lúc đó tình thế mới đổi chiều.

3.2 Tính toàn diện: Cứ nhìn vào cách CS triển khai và tiến hành chiến tranh ý thức hệ, thì thấy rõ tính toàn diện của nó. Ngoài ra tính toàn diện cũng nằm ngay trong phần 4 của định nghĩa: Chiến tranh bằng ý thức hệ, hay bằng ý niệm. Ý niệm là nguồn gốc của hành động. Mọi sinh hoạt của con người và xã hội đều bắt nguồn từ ý niệm. Nó phản ánh và bao gồm mọi loại sinh hoạt. Hơn nữa về mặt chiến lược, phải công nhận khái niệm chiến tranh toàn bộ (Total War) do Karl von Clausewitz xướng xuất đã được Engels, học trò của ông và Lê-nin, người tán thưởng ông, trân trọng áp dụng. Như vậy chiến tranh của Cộng Sản bao gồm mọi mặt sinh hoạt của xã hội. Chẳng cứ gì quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội, văn hóa mà đặc biệt là tuyên truyền và tình báo v.v... Tất cả mọi thứ đều có thể là vũ khí, mọi lãnh vực đều có thể là mặt trận.

Tuy nhiên tưởng cũng nên nhấn mạnh về một vài khía cạnh được các chiến lược gia Cộng Sản đặc biệt quan tâm áp dụng. Như đã nói trong phần 4 của định nghĩa, chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến bằng ý hệ, ý niệm.

Tuyên truyền, do đó, có thể được coi là vũ khí chủ lực. Hồ Chí Minh đã từng là ủy viên tuyên truyền của Quốc Tế III. Ông đã nhận chỉ thị của Quốc Tế III lập nhiều trường tuyên truyền tại Hoa Nam và vùng Đông Nam Á. Trong chính phủ đầu tiên của ông ta có bộ tuyên truyền do Trần Huy Liệu cầm đầu. Đơn vị “tác chiến” đầu tiên ông lập và giao cho Võ Nguyên Giáp chỉ huy có cái tên rất đặc biệt: “*Đội Vũ Trang Tuyên Truyền Giải Phóng Quân*”. Nó chỉ là một trung đội nhỏ bé, nhưng vô cùng quan trọng về mặt chiến lược. Từ đó, một trung đội trưởng tầm thường, họ Võ đã trở thành đại tướng tổng tư lệnh lực lượng vũ trang toàn quốc. Như vậy, về một khía cạnh nào đó, cuộc chiến chủ yếu là chiến tranh tuyên truyền. Ở đây hai chữ tuyên truyền biểu hiện thực chất của toàn bộ cuộc chiến ý thức hệ.

Chúng tôi nêu trường hợp Việt Nam cho dễ thấy, dễ nhớ. Nhưng trong phạm vi quốc tế tuyên truyền cũng đóng vai trò then chốt về chiến lược. Tuyên truyền thay cho vũ khí có lý do của nó. Trước hết ban đầu lực lượng vô sản thế giới, dưới sự lãnh đạo của một số trí thức như Mác và Engels, Lê-nin, còn nghèo, so với kẻ địch. Tục ngữ có câu: Khỏe dùng sức, yếu dùng chước. Lời nói không mất tiền mua, có thể biến thành vũ khí lợi hại. Đại gì không khai thác tối đa. Hơn nữa dùng ý và lời thay cho vũ khí còn có cái lợi là đối phương không biết được công dụng lợi hại của nó. Đối phương sẽ dễ bị đánh bại mà không biết. Trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*, chúng tôi đã để hẳn một chương để nói về tuyên truyền của CS. Và trong

Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp chúng tôi đã để một phần ba của chương 43 để nhắc lại, với những phân tích mới.

Tình báo. Người cộng sản có chủ trương mỗi đảng viên là một cán bộ tuyên truyền và tình báo. Mỗi đảng viên đều có một bí danh, để che dấu căn cước thực của mình. Ông Hồ có đến cả trăm vừa bí danh vừa bút danh vừa tên giả. Sự trạng đó nói lên xu hướng tình báo mạnh mẽ trong chiến tranh ý thức hệ CS. Bởi vì muốn làm một cán bộ tình báo (hay điệp viên) phải có bí danh, phải có vỏ bọc, phải có hộp thư sống, hộp thư chết, mực chìm... Phải tuyệt đối dấu căn cước thật của mình.

Tình báo chẳng những quan trọng trong chiến tranh quân sự. Nó còn quan trọng hơn trong chiến tranh ý thức hệ. Nó có thể tấn công vào mọi lãnh vực. Cán bộ tình báo CS thường kiêm nhiệm luôn công tác tuyên truyền và phản tuyên truyền. Trong chiến tranh Việt Nam hãy lấy trường hợp Phạm Xuân Ẩn làm ví dụ điển hình. Không biết bao nhiêu tin tình báo về bí mật quốc phòng bị tiết lộ. Không biết bao nhiêu tai hại về tuyên truyền, qua những thông tin sai lạc được cung cấp cho truyền thông Mỹ, qua những câu chuyện rỉ tai, tin đồn thất thiệt bất lợi cho phe quốc gia.

Chiến tranh nhân dân: Theo lý thuyết Mác-xít, giai cấp công nhân, giai cấp vô sản là đạo tiên phong. Nhưng trong thực tế các nhà lãnh đạo cộng sản luôn dùng từ nhân dân để tăng cường lực lượng. Trong các cuộc chiến tranh gọi là chống thực dân đế quốc hay các chính phủ hợp pháp địa phương, cán bộ cộng sản luôn dùng chiêu bài yêu nước, dân tộc để tập hợp càng đông “nhân dân” càng tốt. Cuộc chiến được mệnh danh là chiến tranh nhân dân. Quân đội được gọi là quân đội nhân dân. Từ đó mọi người dân đều đương nhiên tự động biến thành lính. Đã là lính thì phải chịu kỷ luật theo lính. Kỷ luật nhà binh. Thêm vào đó tận dụng khẩu hiệu “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh”, cộng quân gồm đủ mọi thành phần nam phụ lão ấu. Trên chiến trường biết bao xác chết thiếu nhi 14, 15 tuổi phơi bày la liệt!

Nhìn vào thực tế, *chiến tranh nhân dân* chỉ có nghĩa là dân ra chết thay cho đảng.

Đã là chiến tranh nhân dân thì mọi tầng lớp nhân dân, văn nghệ sĩ, trí thức đều phải vào khuôn vào phép. Báo chí phải phục vụ chính trị, phục vụ chiến tranh, phục vụ đảng lãnh đạo. Vi phạm, sẽ bị kỷ luật sắt nhà binh trừng trị. Những ai không ra chiến trường, đều phải gia nhập các đoàn thể gọi là đoàn thể “cứu quốc”. Nhi Đồng Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu Quốc, Bô Lão Cứu Quốc, Thanh Niên Cứu Quốc, Công Giáo Cứu Quốc, Phật Giáo Cứu Quốc v.v...

Toàn bộ lực lượng nhân dân đó được đoàn ngũ hóa để phục vụ chiến tranh trên mọi mặt trận: kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, xã hội, tôn giáo...

Trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản* chúng tôi đã dành hai chương nêu một số sách lược điển hình của CS dùng trong chiến tranh ý thức hệ, như các sách lược mặt trận, hòa bình, liên hiệp, trung lập và những kỹ thuật tình báo, tuyên truyền, xâm nhập, khủng bố, phá hoại v.v... Tất cả đều nói lên tính đa dạng và toàn diện của chiến tranh ý thức hệ.

Khi đã nhận ra tính toàn diện của thế chiến III, thì sẽ thấy tất cả các hội nghị quốc tế, các hiệp ước đa phương, song phương giữa các quốc gia thuộc hai phe đối nghịch đều là những trận đánh, hay những mặt trận. Chỉ nêu một số tượng trưng như các hội nghị và hiệp ước, hiệp định Yalta, Potsdam, Genève về Triều Tiên, Genève về Việt Nam, rồi Genève về Ai Lao, hiệp ước Salt II, Thông Cáo Chung Thượng Hải, hay hội nghị Băng-đung (Bandung) và sự thành hình khối các quốc gia không liên kết, hội nghị Vienna giữa 2K... [18] Tất cả đều không chỉ thuần túy chính trị hay ngoại giao. Chắc chắn đó là những trận đờ với mục đích tấn công hay phòng thủ, hay thoái lui của một trong hai bên đối kháng. Thành công của Khối Cộng là thất bại của Thế Giới Tự Do và ngược lại. Có những trận năm ăn, năm thua. Thì cũng có những trận không có bên nào toàn thắng, và những trận cả hai bên đều chiến bại. Phân tích từng sự kiện đòi có một tác phẩm lớn. Xin hãy coi như tạm đủ rõ về tính toàn diện của chiến tranh ý thức hệ CS.

3.3 Tính trường kỳ. Mác dạy rằng, theo định luật tất yếu của duy vật lịch sử thì thế nào cũng sẽ đến lúc chế độ tư bản cáo chung, để nhường chỗ cho chế độ Cộng Sản... Nhưng để thúc đẩy tiến trình lịch sử cho sớm xảy ra, giai cấp vô sản phải kiên trì đấu tranh. Bao lâu chế độ tư bản còn, bấy lâu còn phải tranh đấu. Vì thế cuộc chiến tranh ý thức hệ CS mang tính trường kỳ.

Nikita Khrushchev đã từng lớn tiếng: “*Đời vẫn lắm. Tôi ước mong chóng đến ngày lá cờ đỏ bay phấp phới khắp năm châu.*” Nhưng sau khi ông ta chết được 27 năm thì lá cờ đỏ trên nóc điện Cẩm Linh, tổng hành dinh của khối Cộng đã không còn phấp phới nữa. Và cờ búa liềm đỏ chói ở các thủ phủ của tất cả các nước Cộng Sản Đông Âu cũng bị hạ xuống. Nói chi đến phấp phới khắp năm châu.

Nhưng cuộc chiến tranh ý thức hệ vẫn còn tiếp diễn ở những nước Cộng sản còn lại như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba... Mới đây trong tháng 11 năm 2007 này Nông Đức Mạnh, lãnh tụ Việt Cộng vẫn còn nhắc đến “chiến công lấy lòng” của cách mạng tháng mười Nga, coi như chuyện cờ đỏ vẫn còn hy vọng phấp phới khắp năm châu. Ai bảo cuộc chiến đã chấm dứt? Ai dám phủ nhận tính trường kỳ của thế chiến 3, ít nhất trong đầu, hay trên môi những người Cộng Sản Việt?

Dĩ nhiên, sau khi chiếm trọn miền Nam, và sau một thập kỷ áp dụng chính sách của Cộng Sản, thấy cả nước *ngắc ngoai* (chữ của tướng Cộng Sản Trần Độ), cần phải *đổi mới hay là chết* (cũng chữ của Trần Độ), đại hội VI (1986) của cộng đảng đã phải bỏ chính sách cũ, bắt đầu dĩ cho áp dụng kinh tế thị trường của tư bản. Nhưng theo chiến lược, sách lược đấu tranh của CS, thì họ coi đây chỉ là một bước lùi, một bước ngoặt, đi theo đường vòng. Chứ không phải sự đầu hàng như có người nghĩ. Một thập niên sau, họ bắt tay với Mỹ, kẻ thù cũ. Nhưng chuyện này có lẽ, trong đầu họ, họ vẫn coi như một bước lùi nữa. Hai bước lùi, để mở đường cho một bước tiến, theo lời của chính Lê-nin. Chúng tôi cũng xin lưu ý là cái đặc tính trường kỳ của chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản nó đặc biệt đến nỗi đúng ra phải gọi là dai dẳng li lợm. Cà cuống chết đến đít hầy còn cay. Bằng mọi cách phải cố bấu víu mọi thứ để tồn tại. Không thể coi thường được. Những ai đã có kinh nghiệm với Cộng sản, đã từng tranh luận với họ chắc cũng đồng ý như thế. Cũng vì thế xin đừng có ảo vọng rằng Cộng Sản

Đông Âu đã sụp đổ thì Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ sụp đổ nay mai. Nhiều người đã từng nói: Đối với Việt Cộng chỉ có đánh. Không có cách nào khác. Nhưng lúc này ai dám nghĩ đến đánh? Vậy thì làm sao? Chúng tôi hy vọng các tổ chức đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền sẽ có những sáng kiến thích đáng về chiến lược và sách lược đấu tranh trong giai đoạn cam go này của cuộc chiến ý thức hệ hãy còn dai dẳng với tính trường kỳ của nó.

Chúng tôi nói cam go, vì hiện nay Việt Cộng đang chơi trò đi dây giữa Trung Cộng và Mỹ, và bề ngoài xem ra được sự ủng hộ và tiếp tay từ cả hai phía, mặc dù bên trong họ cũng biết mình bị cả hai lợi dụng như một lá bài để chơi nhau.

Chúng tôi cũng hy vọng rằng các tổ chức, đảng phái ở hải ngoại có đủ nhân sự và phương tiện tài chính cũng như khả năng theo dõi sát tình hình trong nước và thế giới để có thể đưa ra một đường lối đấu tranh toàn diện hữu hiệu hầu sớm đem lại kết quả.

Ở đây, hoàn cảnh và khả năng không cho phép chúng tôi bàn đến những vấn đề rộng lớn ấy. Chỉ xin đưa ra một vài ý kiến cá nhân hầu đóng góp phần bé nhỏ nhất vào việc chung.

IV. Định đề (Postulat, postulate)

“Ý thức hệ Cộng Sản (Mác-xít) là không tưởng, sai trái, xấu xa, tệ hại và là tai họa của loài người”. Tổng Thống Mỹ Ronald Reagan tóm gọn trong từ “sự ác” (evil).

Đến nay đại đa số các nhà lãnh đạo quốc gia kể cả các cựu đảng viên, cựu lãnh tụ Cộng Sản trên thế giới đều tin như thế. Nếu còn có ai không tin thì xin hãy coi lời khẳng định trên như một định đề, khỏi cần chứng minh. Cũng tương tự như, trong hình học, định đề Euclid về sự hiện hữu của một đường thẳng duy nhất từ hai điểm trên một mặt phẳng vậy. Xin hãy miễn thứ cho tôi cái tội nhảy cẳng từ chính trị sang toán học. Đây chỉ là một hình ảnh dùng làm ví dụ có tính suy loại mà thôi.

Thực ra từ khi ra đời, ý thức hệ Mác-xít đã bị các nhà tư tưởng, và xã hội học phân bác rồi. Thực tế về cách thức nó thể hiện trên nước Nga cũng cho thấy nó tệ hại và là nguồn mọi sự xấu xa. Nhiều nhà văn nhà báo tên tuổi từng thích nó, ca ngợi nó nhưng sau khi nhìn vào thực tế đã quay ra tố cáo và lên án nó. Trong số đó đáng kể là những André Gide, Louis Fisher, Stephen Spender, Arthur Koestler, Richard Wright, Victor Kravchenko... Và đặc biệt là cả những cựu cán bộ cao cấp nhất của cộng đảng Ý như Ignazio Silone, của cộng đảng Nam Tư như Milovan Djilas vẫn vẫn cũng nặng lời kết án nó. Đó là chưa kể đến những nhân vật giải Nobel Nga lẫy lừng như Andrei Dimitrievich Sakharov, Alexander Solzhenitsyn sau này.

Hơn nữa thực tế phũ phàng là ý thức hệ đó đã hoàn toàn phá sản khi chế độ chính trị theo khuôn mẫu và mô hình ý thức hệ Mác-xít đã sụp đổ ngay từ cái nôi của nó là

Liên Xô. Thực tế đó cũng chứng minh hùng hồn rằng nó sai, xấu, tệ hại và vô dụng, nên đã bị đào thải.

Gần đây nghị quyết số 1481 ra ngày 27-1-2006 của Cộng Đồng Âu Châu gồm 46 nước thuộc Tây Âu, Đông Âu và Trung Âu đã lên án chủ nghĩa Cộng Sản, và các chế độ Cộng Sản trên khắp thế giới..

Ngày 12-6-2007 tại Hoa Thịnh Đốn một đài tưởng niệm trên 100 triệu nạn nhân Cộng Sản trên khắp thế giới mới được khánh thành. Và trước đó nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới, nhiều học giả đã tổng kê con số từ 100 đến 146 triệu người bị giết bởi Cộng Sản. Bằng 4 hay 5 lần số tử vong do Đức Quốc Xã gây ra trong thế chiến II. Những sự kiện ấy đủ nói lên cái xấu xa, độc ác của chủ nghĩa Cộng Sản. Tưởng không cần phải chứng minh thêm.

Còn đối với những người CS cuồng tín thì có viết cả một bộ sách ôn lại tất cả mọi biến cố tư tưởng, xã hội, chính trị, chiến tranh, tranh chấp ngoại giao vân vân giống như một bộ lịch sử thế chiến III, cũng khó lòng làm họ thức tỉnh.

Đã là định đề thì có thể có một số người không chấp nhận và họ có thể tạo thành một hệ thống lý luận khác để bào chữa cho ý thức hệ Mác-xít. Nhưng vấn đề là liệu có ai trong số họ đủ sức đưa ra một định đề đối nghịch trong lúc này hay không.

Tóm lại chúng tôi xin những ai chấp nhận định đề chúng tôi đưa ra hãy tiếp tục theo dõi những lập luận kế tiếp về tác hại của ý thức hệ Cộng Sản và cách ngăn chặn, đánh phá và hủy diệt cái đại họa của nhân loại này, còn rơi rớt lại ở Việt Nam.

Khi đã chấp nhận định đề Cộng Sản là sự ác và tai họa của nhân loại rồi, thì đương nhiên phải chấp nhận cuộc phản kháng của nhân loại chống ý thức hệ CS là chính đáng và là nhiệm vụ cao quý. Tất cả những cá nhân hay đoàn thể, quốc gia tham chiến chống Cộng đều là đồng minh, dù trong những tổ chức, quốc gia ấy có những phần tử tham chiến vì lý do thực dân chẳng nữa.

Đến nay đã rõ lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam Hồ Chí Minh là đảng viên sáng lập đảng CS Pháp. Sau đó ông đã là ủy viên trung ương Quốc Tế Cộng Sản (Quốc Tế Nông Dân, Krestintern). Được tổ chức này giao nhiệm vụ truyền bá ý thức hệ CS tại Hoa Nam và Đông Nam Á. Chính ông ta đại diện Quốc Tế CS thống nhất các phe phái CS ở Đông Dương để thành lập Đông Dương CS đảng. Từ đó cho đến nay vẫn cái đảng đó tung hoành thực thi đường lối chính sách của Quốc Tế III, cướp chính quyền từ tay những người yêu nước, mở cuộc chiến nhằm tiêu diệt các phần tử Quốc Gia.

Các phần tử Quốc Gia đã kháng chiến chống Cộng từ đầu và đã được Pháp Quốc tiếp tay chống Cộng Sản, với kinh viện, quân viện của Hoa Kỳ. Sau đó nhiều quốc gia khác như Thái Lan, Phi Luật Tân, Hàn Quốc, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi v.v... cũng đã gửi quân tới cùng chống sự xâm lăng của Cộng quân. Vì cộng quân được sự viện trợ dồi dào hơn về mọi mặt của Quốc Tế Cộng Sản, nhất là của Liên Xô và Trung Cộng.

Khi đã đồng ý với những tiền đề trên thì tất cả những ai cùng với các phần tử dân tộc Việt Nam chống Việt Minh Cộng Sản đều có chính nghĩa. Chính Cộng Sản mới chống dân tộc Việt Nam, cũng như chống toàn thể nhân loại. Vì họ chiến đấu cho một chủ nghĩa không tưởng, một thế giới đại đồng ảo. Nhất là họ hy sinh hàng triệu người Việt cho những cái ảo tưởng đó.

Trong cuộc chiến Việt Nam phe Quốc Gia thất bại. Cộng Sản chiếm một nửa nước năm 1954, rồi 1975 chiếm cả nước. Thế giới tự do đã thua vì có nhiều phần tử tả phái, trong đó có nhiều ký giả Mỹ thân cộng không hiểu ý nghĩa của cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu, đã ca tụng Hồ Chí Minh là nhà ái quốc, là anh hùng dân tộc, lên án chính phủ Mỹ ủng hộ các chính quyền miền Nam, gây nên làn sóng phản chiến dữ dội. Hàng trăm ngàn, rồi cả triệu người biểu tình tại nhiều nơi trên đất Mỹ. Tình hình ấy đã ảnh hưởng tới dư luận thế giới. Ngay cả Vatican (Giáo Hoàng Phao-lô VI) cũng lên tiếng bênh vực Việt Cộng (mà cứ tưởng vì hòa bình và công lý!). Điều đó khiến chính phủ Mỹ (chống cộng điều hậu như Nixon) cũng đành bó tay trước áp lực của dư luận, mặc dù có bom nguyên tử... Áp lực của dư luận chính là thứ vũ khí quyết định sự thành bại của chiến tranh ý thức hệ.

Nhưng nếu nhìn cuộc chiến ý thức hệ là một cuộc chiến tranh toàn cầu, theo định nghĩa nêu trên, thì Việt Nam chỉ là một đồn nhỏ, tuy có thể gọi là tiền đồn của bên này cũng như bên kia. Thua ở một đồn nhỏ, dù là tiền đồn, để rồi rút kinh nghiệm đổi chiến lược, chiến thuật hòng mười mấy năm sau toàn thắng trên trận địa toàn cầu. Thì cái thua đó đối với cả thế giới không đáng gì. Nó còn mở đầu cho đại thắng. Chỉ có nhân dân Việt Nam đã tranh đấu can trường trong chiến thuật, mà lại bị thất bại nhục nhã trong chiến lược. Đó là sự thiệt thòi quá to lớn đối với dân tộc Việt Nam. Nhưng chính kinh nghiệm thất bại của chiến tranh Việt Nam đã góp phần cho chiến thắng của thế giới đối với toàn khối Cộng ở Đông Âu và Liên Xô. Chính những cuộc bỏ phiếu bằng chân năm 1954, rồi 1975 đã góp phần không nhỏ nữa vào việc cảnh giác dư luận hoàn cầu về hiểm họa CS. Vậy phía Quốc Gia không có gì phải hổ thẹn đối với sự thất trận năm 1975.

Riêng dân tộc Mỹ, theo thiên ý, nên biết ơn và hãnh diện về vị tổng thống tài ba của mình là Richard Nixon. Chính ông đã can đảm, sáng suốt và tài tình rút chân ra được khỏi bãi lầy Việt Nam. Sau đó rút kinh nghiệm về chiến tranh ý thức hệ ở mặt trận này, để tiến hành một chiến lược hoàn toàn sáng tạo: thương thuyết với các đàn anh và bậc thầy của Việt Cộng là Liên Xô và Trung Cộng. Từ đó ông mở đường đưa tới chiến thắng chung cuộc vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90.

Chính Nixon cũng đã gọi cuộc chiến ý thức hệ giữa CS và Thế Giới Tự Do là *Thế Chiến Thứ Ba* (WWIII). Và ông đã tiên đoán chiến thắng mà không cần chiến tranh. Và thực tế đã chứng minh lời tiên đoán của ông là đúng. Nếu nhìn vào sự sụp đổ của Ba Lan mở đầu cho sự sụp đổ của một loạt các nước Đông Âu thì ta phải thấy Nixon quả là nhà tiên tri. Vì Mỹ không phải có chiến tranh (vũ trang) với khối Cộng ở Đông Âu mà đã toàn thắng, trước thời gian tiên đoán của ông 8 năm.

V. Yêu cầu:

Dựa vào định đề nói trên để đưa ra những tiền đề hợp lý chứng minh cuộc chiến mà Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương và tiến hành trong hơn ba thập kỷ là một phần của cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu của Cộng Sản Thế Giới.

Lý do: Vì ông Hồ cũng như phần lớn cán bộ cao cấp Việt Nam ban đầu đều do Liên Xô đào tạo và chỉ huy để phục vụ Quốc Tế Cộng Sản. Chỉ cần mở các tài liệu chính thống của CS, như *Văn Kiện Đảng, Hồ Chí Minh Toàn Tập...* và các tác phẩm do chính cán bộ cao cấp cộng sản viết cũng thấy vô số chứng từ không thể chối cãi.

Vì các phương pháp mà CSVN dùng trong chiến tranh là những phương pháp bạo lực, mang đầy đủ những tính chất của cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu của QTCS.

Vì sau khi chiến thắng năm 1954, rồi năm 1975, CSVN liền cho áp dụng đúng những chính sách và chế độ theo gương các nước đàn anh. Và đó là những chế độ đi ngược hẳn với truyền thống dân tộc. Nó làm đảo lộn trật tự xã hội Việt Nam và băng hoại đạo lý.

Sau đây là một vài yêu cầu cụ thể nhắm vào nhà cầm quyền CS trong nước và tiếp đó là với cộng đồng người Việt Hải Ngoại.

5.1 Với nhà cầm quyền Cộng Sản trong nước, trước hết chúng tôi xin nói rõ hai điều: Thứ nhất thực quyền không ở các chức chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ hay chủ tịch quốc hội, kể cả và nhất là chủ tịch giám sát viện. Thực quyền nằm tại bộ chính trị, đứng đầu là tổng bí thư đảng cộng sản. Tại sao? Vì theo nguyên lý chuyên chính vô sản của Mác, quyền tối thượng phải là của giai cấp vô sản mà đảng CS luôn luôn cho mình là đại diện, là đội tiền phong. Hơn nữa đảng CS luôn nêu cao khẩu hiệu “*đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”. Vì thế khi nêu yêu cầu với nhà cầm quyền, chúng tôi nói với lãnh đạo đảng chứ không nói với “nhà nước”.

Thứ hai, chúng tôi cũng biết rõ, các cán bộ cao cấp đảng, nhất là những cựu lãnh tụ, nay đã về hưu hay mất chức, nhưng vẫn còn có danh, có tiếng, hay còn nắm thực quyền trong hậu trường, và nói chung những người đã ở tuổi trên dưới bát tuần, đều đã biết rõ hơn chúng tôi tất cả những gì được trình bày trong 4 phần trên của bài viết này. Chẳng những thế, họ cũng biết tông rằng cái gọi là chủ nghĩa Mác-xít nay đã phá sản. Họ chẳng còn tin mấy may vào nó nữa. Họ chỉ nhân danh nó để lợi dụng những cán bộ khờ dại thôi.

Những cán bộ khờ dại này và phần đông cán bộ đảng viên trẻ thì không rõ lắm đâu. Vì các bậc đàn anh cố tình giấu nhem đi để lừa mị, dẫn dắt và sai khiến.

Vậy yêu cầu bộ chính trị hãy:

– Hạ lệnh hủy bỏ mọi bung bít, khuất tất, mọi giới hạn về thông tin đại chúng để mọi người trong nước kể cả một số đông đảng viên được tiếp cận với sự thật lịch sử, và những thông tin mới mẻ về hiện tình thế giới.

– Hãy lập tức ra lệnh phá bỏ bức tường lửa, để những tài liệu như bài này được tự do vào trong nước qua các mạng điện toán.

– Hãy minh bạch hóa, công khai hóa mọi chính sách đường lối. Nhất là hãy thành thực bài trừ tham nhũng. Có thể mới tránh được búa rìu dư luận cho rằng lãnh đạo đảng ngày nay không còn gì là cộng sản, hay xã hội chủ nghĩa nữa. Mà chỉ thuần túy là một bọn Mafia, cái gì cũng giấu giếm, khuất tất để tại quyền hồng tha hồ vơ vét của nhân dân.

– Hãy cho phép thành lập các hội chống tham nhũng, để chứng tỏ đảng không tham nhũng.

– Hãy cho phép tổ chức công đoàn độc lập bên vực công nhân, để chứng tỏ đảng vẫn còn là đảng của công nhân.

– Hãy cho phép tư nhân trực tiếp giúp đỡ, tiếp tế cho nạn nhân thiên tai, bão lụt, dân oan, để chứng tỏ đảng vì dân chứ không phải chỉ vì đảng.

Tiếp đến cũng xin có đôi lời với các đảng viên ở cấp thừa hành, và không phải là giai cấp tư bản đồ. Đề nghị các cán bộ CS tự cho mình là lương thiện và từ trước tới nay luôn một lòng vì dân vì nước, chứ không vì chủ nghĩa CS hãy thành thực trả lời:

– Ông Hồ Chí Minh có phải là người Cộng Sản không?

– Tại sao ông ấy lại luôn chối mình không phải Cộng Sản, trước người Hoa, người Mỹ, người Pháp và cả người Việt (với những người như Trương Phát Khuê, Archimedes Patti, hay Raoul Salan...)

– Tại sao ông Hồ phải tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản ngày 11-11-1945?

– Tại sao ông vẫn đánh lừa nhân dân để đảng đó sinh hoạt như chưa hề bị giải tán?

– Tại sao năm 1960, đảng CSVN mừng 30 tuổi? Và ngày nay ai cũng biết đảng CSVN đã 77 tuổi?

– Ông Hồ và đảng CS nói dối, lừa dối toàn dân và dư luận thế giới nhằm mục đích gì? Có phải vì các người biết nhân dân Việt Nam không ưa Cộng Sản?

– Hay vì các người muốn che giấu bộ mặt thật của mình?

– Tại sao lại phải che giấu?

– Ngày nay các người đã thấy chủ nghĩa CS là sai, là xấu rồi chứ, hay vẫn còn nghĩ nó tốt, chỉ có người áp dụng nó làm bậy?

– Các người có biết theo đúng thuyết Mác-xít thì sau khi khối Cộng toàn thắng trên thế giới, thế giới sẽ thành thế giới đại đồng, không còn biên giới quốc gia, không còn cái gọi là nước Việt Nam nữa, nghĩa là sẽ là một thế giới vô tổ quốc?

– Các người có biết rằng, nếu Liên Xô không tan rã cùng với sự sụp đổ hoàn toàn của khối Cộng Sản Đông Âu, mà vẫn còn tồn tại, thì Việt Nam ngày nay sẽ chỉ là một chư hầu của Liên Xô?

– Phong trào gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, với khẩu hiệu “*Trí Phú Địa Hào, đào tận gốc, tróc tận rễ*,” có phải là con đẻ của chủ nghĩa CS không, có phản ánh đúng chủ trương đấu tranh giai cấp không?

– Nó có vì mục đích giành độc lập, thống nhất cho tổ quốc, và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam không?

– Những chiến dịch Giảm Tô, Cải Cách Ruộng Đất được thực hiện có phải để giành độc lập hay là để thực hiện thuyết giai cấp đấu tranh của CS?

– Ngày nay các người có còn nghĩ thế giới đại đồng của Cộng Sản là có khả năng thực hiện, hay đã nhận ra rằng nó chỉ là không tưởng, là hão huyền?

– Các người có dám can đảm nói lên những điều mình nghĩ không?

– Một người CS như Hồ Chí Minh, khi vừa trở về nước, thấy núi cao đặt tên là núi Các Mác, thấy suối đẹp gọi nó là suối Lê-nin. Rồi khi chết trôi lại rằng mình đi gặp các cụ Mác cụ Lê thì con người ấy có thể chối mình không phải Cộng Sản không?

– Họ Hồ lấy bút hiệu Trần Dân Tiên để khen mình khiêm nhường, nhân ái, bảo toàn dân gọi mình là “cha già dân tộc”. Vậy ông ta có thể là người khiêm nhường, ngay thẳng, chân thành chăng?

– Những nhà báo nước ngoài ca ngợi Hồ Chí Minh là người không hề có tật sùng bái bản thân như David Halberstam, khi biết rõ ông Hồ viết sách để tự tôn sùng mình là cha già dân tộc, mà không lên tiếng nhận mình lầm, thì có phải là nhà báo có liêm sỉ không?

Còn rất nhiều điều chúng tôi muốn yêu cầu các đảng viên kỳ cựu và nhất là các ủy viên Trung Ương đảng làm. Nhưng kể ra không xiết. Chỉ xin có một yêu cầu chót:

Xin hãy lắng nghe mấy lời sau đây của lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev:

“Các đồng chí phải tôn kính người này (đồng chí Hồ Chí Minh), hãy quì gối trước ông ấy, để tỏ lòng biết ơn vì những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản...” [\[19\]](#)

Và:

“Giờ đây dân Việt đang đổ máu và hiến mạng sống mình vì lợi ích của phong trào Cộng Sản thế giới.” [20]

Những lời trên của lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev chứng tỏ ông Hồ đã lợi dụng lòng yêu nước của các vị, và của toàn dân Việt Nam để xô đẩy toàn dân vào cuộc chiến, không phải vì nền độc lập và thống nhất tổ quốc đâu. Mà chính vì phong trào CS thế giới đây. Không phải chỉ có Khrushchev nói thế mà chính ông Hồ cũng đã từng xác nhận *“tôi dắt năm châu đến đại đồng”*, sau khi khen Đức Trần Hưng Đạo: *“Bác đưa một nước qua nô lệ”*. Mà chế độ đại đồng thì như trên đã nói, nó loại trừ khái niệm tổ quốc. Thế giới đại đồng là thế giới của giai cấp vô sản khắp thế giới sống chung không cần chính phủ, không có biên giới quốc gia. gọi tắt là vô tổ quốc. Vậy bảo rằng ông Hồ và đảng CS chiến đấu giành độc lập dân tộc có phải là nói láo không. Nếu Đông Âu và Liên Xô không sụp đổ và chế độ CS không biến tan thành mây khói, mà trái lại chủ nghĩa Cộng Sản đã thắng trong cuộc chiến ý thức hệ, thì ngày nay làm gì còn tổ quốc Việt Nam, hay tổ quốc nào khác, chỉ có một thế giới đại đồng giống như thời kỳ đồ đá mà thôi.

Sau khi đã bình tâm nghiên cứu lịch sử các đảng CS Liên Xô, Trung Quốc, và Việt Nam, rồi ngẫm nghĩ về những câu nói của lãnh tụ khối cộng vừa nêu, hy vọng thế nào cũng có vị hồi hận, và phần uất vì thấy rõ mình đã bị ông Hồ đánh lừa.

Vậy thì nếu bạn là tướng lãnh trong quân đội hay lực lượng công an CS, xin nhớ nhẹ tay cho trong các vụ khủng bố, bắt bớ giam cầm dân oan, và những người nghèo khổ không có tiền đi khiếu kiện. Các nhà đấu tranh cho dân chủ tự do sẽ không bao giờ đề nghị các bạn đem quân sĩ dưới quyền đến trụ sở bộ chính trị bắt giam hết nhóm người cuồng tín và giả nhân giả nghĩa, như có người rất mong muốn điều đó sớm xảy ra. Không, họ chỉ muốn các vị án binh bất động trong các cuộc tranh chấp giữa chính quyền CS và dân nghèo, dân oan, dân bị áp bức.

Nếu quý bạn cho phép tôi nói thêm vài lời nữa, thì xin hãy can đảm và mạnh mẽ nói điều bạn suy nghĩ với các đồng chí và đồng nghiệp rằng ông Hồ đã đánh lừa bạn, đánh lừa toàn dân.

Cái ý đó cứ truyền đi từ một đảng viên này sang đảng viên khác, thì chẳng bao lâu trong số đảng viên sẽ có một Gorbachev, hay Yeltsin đấy. Tại sao ta chưa có Yeltsin? Vì ta có huyền thoại anh hùng yêu nước Hồ Chí Minh. Nếu toàn dân biết mình bị Hồ Chí Minh đánh lừa và sẵn sàng vùng lên thì ắt sẽ có Gorbachev hay Yeltsin xuất hiện.

5.2 Đối với cộng đồng người Việt Quốc Gia hải ngoại, ước mong của chúng tôi, cũng như của nhiều người, là làm sao có được một tổ chức thống nhất lớn mạnh có thể đủ tư cách đại diện cho tập thể người Quốc Gia thì cuộc tranh đấu sẽ có kết quả hơn.

Sở dĩ cho đến nay tập thể người Việt Quốc Gia hải ngoại chưa đoàn kết được thành một tổ chức lớn, theo thiện ý của chúng tôi, là vì chúng ta chưa nhất trí được với nhau về nguyên nhân thất trận cuối tháng tư năm 1975. Thậm chí nhiều người vẫn

còn chưa chịu nhận là chúng ta đã thực sự thua. Mà chỉ bị Đồng Minh phản bội và bỏ rơi.

Vì vậy chúng ta hãy tự xét mình và tìm hiểu nguyên nhân của sự yếu kém và thất bại của chúng ta, đại diện cho tập thể dân tộc cả nước. Tập thể người Quốc Gia thua tức tập thể dân tộc đã thua. Đó là sự thực lịch sử đấng cay chua xót. Nhưng muốn sửa chữa sai lầm quá khứ để hồng cứu vãn tương lai, không thể không nhìn thẳng vào sự thực và thành thực nhận lỗi trước quốc dân và lịch sử. Ở chương đầu tập sách này chúng tôi đã hứng nhận búa rìu chỉ trích đề bàn về vấn đề này một cách rất ráo. Xin được phép không nhắc lại. Mong rằng sự thẳng thắn và khiêm tốn, kèm theo tâm tư ăn năn hối lỗi về những sai lầm của các bậc cha chú sẽ giúp cho con cháu chúng ta có cơ hội tìm ra những biện pháp thỏa đáng hầu cứu nước khỏi họa diệt vong vào tay Bắc Phương.

Kết luận

Tóm lại, chiến tranh ý thức hệ do ý thức hệ Cộng Sản mà có. Nó do chính người Cộng Sản chủ trương để chống nhân loại. Cuộc chiến Việt Nam nằm trong cuộc chiến ý thức hệ đó. Vì một số đông đảng viên CS Việt Nam được đào tạo tại trường Stalin. Riêng Hồ Chí Minh còn được đào tạo tại trường Lê-nin của Quốc Tế III, đã theo chỉ thị và kế hoạch của Liên Xô đưa chủ nghĩa CS vào Việt Nam, lập nên đảng CS Đông Dương để truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản, để thực hiện mộng thế giới đại đồng, trong đó sẽ không còn biên giới quốc gia, không còn Tổ Quốc. Và thực tế cho thấy, Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam đã thi hành đúng theo kế hoạch và gương của Liên Xô và các nước CS khác, là lập nên Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cải Cách Ruộng Đất, hợp tác hóa nông, công, thương nghiệp v.v... Tất cả những công trình này hoàn toàn nằm trong chương trình xích hóa toàn cầu của Quốc Tế Cộng Sản, đứng đầu là Liên Xô. Trên thực tế, QTCS chính là Liên Xô, vì nó hoàn toàn do các lãnh tụ Liên Xô chỉ huy, sai khiến.

Vậy Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam chiến đấu hao tổn hàng triệu sinh mạng, không phải vì quyền lợi tổ quốc, mà chính vì mục đích đoạt chính quyền hồng tiến hành việc thực hiện mộng thế giới đại đồng. Một ảo mộng, không tưởng. Nếu khối cộng thắng thì đã đưa Việt Nam và cả nhân loại lùi về thời kỳ đồ đá. Bởi vì tất cả các nước cộng sản, thường gọi là các nước xã hội chủ nghĩa “anh em” khi áp dụng kinh tế chỉ huy theo mô hình Mác-xít đều chìm cả nước xuống đói nghèo, không ngóc đầu lên được. Về văn hóa, đạo lý thì suy đồi đến cùng độ.

Như vậy thì không thể nào bảo ông Hồ hay đảng CSVN có công to lớn đối với dân tộc được. Chỉ cần nghe lời Khrushchev ca tụng ông Hồ và bảo nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của ông Hồ “*đang hy sinh mạng sống mình cho chủ nghĩa CS,*” đủ rõ ông ta và đảng của ông ta chỉ có công với Cộng Sản, chứ không hề có công với dân tộc. Cần phải kết tội ông ta đã hy sinh dân tộc cho một chủ nghĩa ngoại lai, không tưởng.

Nhìn qua lăng kính chiến tranh ý thức hệ CS toàn cầu, chẳng những vai trò và công tội của ông Hồ được minh định rõ ràng chính xác, mà vai trò, công lao của Tổng

Thống Nixon cũng được xác định. Qua lăng kính đó cuộc chiến Việt Nam sẽ hiện lên rõ ràng là một cuộc chiến tranh giữa chủ nghĩa quốc tế cộng sản và chủ nghĩa quốc gia dân tộc (có thể tạm gọi là “cuộc chiến Quốc Cộng”), chứ không thể là chiến tranh Việt Pháp như ông Lê Xuân Khoa viết, hay chiến tranh “chống Mỹ cứu nước” như Việt Cộng viết. Qua lăng kính đó chúng ta cũng sẽ hiểu vì sao anh em ông Ngô Đình Diệm đã bằng mọi cách cố tránh sự can thiệp ồ ạt của quân tác chiến Mỹ, khi chưa thực cần kíp; tại sao họ tính chuyện tiếp xúc với Hà Nội, bàn chuyện hiệp thương, tuy toan tính ấy chưa đi đến đâu.

Mười hai năm sau chính phủ Nguyễn Văn Thiệu và chính phủ Hoa Kỳ cũng đâu có tránh được chuyện hòa đàm với đối phương (trong thế yếu hơn). Tiếp đến, Tổng Thống Mỹ Nixon cũng hội đàm thương thuyết với Liên Xô và Trung Cộng để đi đến hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược gọi là Salt 2, và thông cáo chung Thượng Hải v.v... Và rồi Tổng Thống Nam Hàn Kim Đại Trọng (Kim Dae-Jung) cũng đi gặp chủ tịch Bắc Hàn năm 2000. Hành động này đã đem lại cho ông giải Nobel Hòa Bình chứng tỏ nó đã được chuẩn bị và thực hiện công phu dường nào. Rồi đến nay đương kim Tổng Thống Roh Moo-Hyun cũng thế. Đó đích thực là những nỗ lực cho hòa bình. Kết quả dĩ nhiên còn tùy thuộc thiện chí của đối phương.

Nếu không hiểu ý nghĩa và thực chất của chiến tranh ý thức hệ, thì sẽ bảo Tổng Thống Nixon, hay Tổng Thống Diệm, các Tổng Thống Nam Hàn mắc mưu cộng sản, hay theo cộng sản, phản bội lý tưởng Tự Do.

Đó là chúng tôi không nói đến các cuộc gặp gỡ giữa Tổng Thống Bush cha, rồi Giáo Hoàng John Paul II với lãnh tụ Liên Xô Mikhail Gorbachev sau này.

Thực là buồn phải viết về một cuộc chiến toàn cầu của Cộng Sản, khi nó đã kết thúc gần 2 thập niên, khi đã biết ngày nay chẳng còn ai tin tưởng gì ở mớ lý thuyết hoang tưởng của Mác nữa, kể cả các cán bộ gốc của những đảng CS còn sót lại như Trung Quốc, và cả Việt Nam.

Nhất là tại Việt Nam, một trong 4 nước CS còn sót lại. Cứ nhìn vào những gì các nhà lãnh đạo đảng CS làm từ ngày họ chiếm trọn miền Nam thì thấy họ đã hoàn toàn biến chất. Cái đảng được mệnh danh là đảng của giai cấp công nhân lại đi bỏ tù, bắt bớ, đánh đập công nhân và nhân dân lao động, dân nghèo, dân oan. Những ủy viên trung ương đảng, ủy viên bộ chính trị hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, đều đã trở thành tư bản đỏ. Họ không còn đại diện cho giai cấp *vô sản* nữa. Nhưng họ vẫn giữ độc quyền cai trị, dưới chiêu bài chuyên chính *vô sản*.

Trong thâm tâm họ cũng chẳng còn kính trọng ông Hồ nữa. Vì qua nhiều phát giác và tài liệu khả tín, họ đã biết rõ bộ mặt thật của ông ta rồi. Nhưng họ vẫn hô hào cán bộ, đảng viên và nhân dân phải học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, noi gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tất cả chỉ vì mục đích muốn tiếp tục đánh lừa nhân dân, tiếp tục lợi dụng lòng tin mù quáng của nhân dân cho mục đích củng cố quyền lực hòng đàn áp, bóc lột nhân dân. Cũng vì mục đích đó họ đã thi hành mọi thủ đoạn của những tổ chức mafia. Đúng

như luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã sớm phanh phui cả chục năm trước khi qua đời (năm 1997).

Cũng nhằm mục đích chứng minh là sai tất cả những gì từ trước tới nay nhiều người vẫn tin là đúng mà chúng tôi đã viết ra những dòng đơn sơ nhưng chân chất trên đây.

Ước mong của chúng tôi là nó sẽ cảnh giác nhân dân, nhất là lớp trẻ chiếm hai phần ba dân số. Chúng tôi cũng hy vọng rằng một số cán bộ đảng viên kì cựu kể cả những nhà lãnh đạo hiện nay sẽ thành tâm tự vấn, tự hỏi lương tâm của mình, nếu cái lương tâm ấy hãy còn le lói: Mình có lầm không, có bị lừa không, khi theo CS để chống lại dân tộc trong quá khứ? Và phải làm gì để đái tội lập công?

Ngoài ra cũng mong rằng những đảng viên còn chút lương tri sẽ can đảm đứng lên thoát ra khỏi vòng kiểm tỏa của gian dối và sự ác.

Chỉ có cái thiện thắng được cái ác. Sự thật sẽ phá tan gian dối, lừa mị. Vương đạo phải thắng bá đạo.n

Minh Võ

Nam Cali 12-12-2007

Chú thích:

* Bài này chỉ có mục đích nói (một cách hết sức đơn giản và tóm lược tối đa) về cuộc chiến ý thức hệ CS đã diễn ra như thế nào trong lịch sử, chứ không nhằm đưa ra những phương lược đấu tranh ý thức hệ cần áp dụng vào hiện tại. Công việc này xin dành cho các chính đảng lớn với khối lượng nhân lực, vật lực và tài lực dồi dào. Vì nó vượt khả năng và tham vọng của một cá nhân đơn độc, chỉ muốn nghiên cứu lịch sử như người viết. Do khả năng và hoàn cảnh, người viết không phải là một chính khách, và cũng không hề có tham vọng chính trị. Những yêu cầu và đề xuất đưa ra ở cuối bài chỉ là những ý tưởng rời rạc, đơn sơ, nhưng nếu thực hiện được sẽ giúp soi sáng những điểm còn bị che lấp bởi tuyên truyền của CS. Chúng không phải là đối sách của chiến tranh ý thức hệ CS.

[1] Xin xem Văn Nghệ Tiền Phong số tháng 3 năm 2004.

[2] Xin xem nhật báo Người Việt các ngày 28-2-05, 11-3-05 (bài của GS Lê Xuân Khoa trả lời MV), và 22-3-05, mục Diễn Đàn.

[3] Một trong những lý do khiến lúc ấy chúng tôi chưa đưa ra một định nghĩa về chiến tranh ý thức hệ là vì đã có rất nhiều người nhắc đến những từ này. Nếu đặt vấn

đề một cách nghiêm túc nhưng cũng chỉ nhắc lại những từ đó, thì sẽ bị độc giả chê rằng, biết rồi khổ lắm nói mãi.

[4] Nói là “*ý thức hệ Cộng Sản*” cho gọn. Chứ thực ra ý thức hệ Cộng Sản có rất nhiều nội dung khác nhau và phức tạp kể từ khi Mác và Engels đưa ra cái gọi là chủ nghĩa Mác-xít, không có tên Engels trong đó, nhưng Engels là bạn thân của Mác, đóng một vai trò rất quan trọng không kém Mác bao nhiêu. Rồi đến Lê-nin, người đã áp dụng thuyết Mác-xít vào thực tế chính trị lịch sử một cách quyết định khiến ý thức hệ của Mác sau này mang danh xưng chủ nghĩa, hay ý thức hệ, Mác Lê-nin. Rồi còn ý thức hệ CS của Trotsky, của Mao Trạch Đông đều có chút gì thay đổi không hoàn toàn như ý thức hệ Mác-xít ban đầu nữa. Nhưng tất cả đều là thứ yếu. Cái cốt lõi là giai cấp đấu tranh, xóa bỏ quyền tư hữu, cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản thì đều giống nhau.

[5] Nói về trận chiến tư tưởng bắt nguồn từ ý thức hệ Mác-xít cần có cả một bộ sách nhiều tập. Ở đây chỉ xin nêu một vài tên tuổi nổi bật ở phía Thế Giới Tự Do:

– Giáo Hoàng Pio IX (1792-1878): Trong Tông Huấn (Papal Encyclical) “*Qui Pluribus*” ngày 6-11 năm 1846, bản Anh ngữ, đoạn 32 có câu: “It is wholly contrary to natural law itself nor could it establish itself without turning upside down all rights, all interests, the source of property and society itself.” (Tạm dịch: [Cái tà đạo được mệnh danh là chủ nghĩa Cộng Sản này] chính nó hoàn toàn trái luật tự nhiên. Nó cũng không thể nào thành lập mà không đảo lộn tất cả mọi quyền hành, quyền lợi, của cải và sản nghiệp của con người và cả xã hội.)

– Eugene von Bohm Bawerk (1851-1914) nổi tiếng với tác phẩm trứ danh *Karl Marx and The Chose of His System* (1898), trong đó ông dành chương đầu để cực lực đả phá thuyết giá trị thặng dư (plus value) của Mác. Cho đến nay đã có 67,000 cuốn sách và khoảng 1,500,000 bài viết nói về ông.

– Vladimir Simkhovitch được biết nhiều qua tác phẩm *Chủ Nghĩa Mác Chống Chủ Nghĩa Xã Hội (Marxism versus Socialism)*. Ông trung dẫn chính Mác để chứng minh cái gọi là chủ nghĩa xã hội của Mác đã phản lại lý tưởng xã hội của loài người.

– Edward Bernstein (1850-1932), cha đẻ phong trào xét lại ý thức hệ cộng Sản. Chẳng những ông đả phá thuyết giá trị thặng dư (Plus Value) và chủ trương đấu tranh giai cấp của Mác mà còn bác bỏ hoàn toàn khẳng định của Mác là tư bản đang giãy chết.

[6] Tám người mà chúng tôi được biết đã gọi cuộc “chiến tranh lạnh” sau Thế Chiến II là Thế Chiến III gồm có: Giáo Sư Robert Strausz-Hupé và 3 đồng tác giả cuốn *Protracted Conflict*, người điềm cuốn sách đó là Max Eastman, nhà văn phản kháng Nga giải Nobel Alexander Solzhenitsyn, Brian Crozier, tác giả cuốn *Strategy of Survival*, và cố Tổng Thống Richard M. Nixon.

Nói về giai đoạn gọi là chiến tranh lạnh này cũng cần có một bộ sách nhiều tập vì nó bao quát nhiều mặt, rộng lớn hơn thế chiến II bội phần. Sự thành hình, phát triển và

hoạt động của mỗi đảng trong tổng số 87 đảng CS trên khắp thế giới đã chiếm một chương rồi. Mỗi hiệp ước ký kết giữa thế giới tự do và khối Cộng như Potsdam, Yalta, Munich hay Brest-Litovsk v.v... cũng phải một chương. Mỗi chương trình kế hoạch của Thế Giới Tự Do như kế hoạch Marshall nhằm cung cấp viện trợ 20 tỉ Mỹ kim cho 16 nước Tây Âu hòng lôi kéo giới nghèo, giai cấp lao động trong các nước đó, nhất là Đức, Ý là hai nước bại trận, và có nhiều đảng viên Cộng Sản (Ý) nhiều nhất thế giới. Rồi mỗi bước đi của khối cộng nhằm bành trướng chủ nghĩa CS như nhắm vào lục địa Trung Hoa, vào Trung Mỹ... hay nhằm bảo vệ khối cộng như tổ chức COMECON (Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế) ở Đông Âu... đều cần có một chương... Đó là không kể những trận chiến vũ trang tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam phải gồm nhiều chương lớn khác.

Công việc đó (dù chỉ là phác họa đề án nghiên cứu hay một dàn bài sơ lược cho một bộ sử thể chiến III) không nằm trong khuôn khổ một bài báo như bài này. Xin để cho các sử gia thế chiến III đảm nhiệm.

[7] Tác phẩm của Lê-nin viết năm 1904: “*Một Bước Tiến, Hai Bước Lùi, Cuộc Khủng Hoảng trong Đảng Ta*”.

[8] Xem *The Real War* của Nixon, NXB Warner Books Inc. NY, 1980, trang 17.

[9] Theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, Tổng Thống Eisenhower đã nhận Phép Rửa (Baptism) tại tòa Bạch Ốc.

[10] NXB Warner Books Inc, NY, 1980, trang 21.

[11] Phải vô cùng can đảm, tự tin và kiên nhẫn mới có thể đạt tới thành quả ngoại giao này bằng một thông cáo chung. Trong khi hai nhà lãnh đạo (Nixon về phía Mỹ và Chu Ân Lai về phía Trung Quốc) cùng nhau đi thăm viếng những danh lam thắng cảnh và kỳ quan của Trung Quốc và trao đổi nhau những yến tiệc linh đình thì hai nhà ngoại giao Henry Kissinger và Kiều Quán Hoa thức đêm tranh luận với nhau từng từ ngữ của bản thông cáo. Sau đó là phản ứng dữ dội trên khắp thế giới. Không chỉ có Anh Pháp Nhật... bất bình, Nga sửng sốt, mà cả Á Châu lo lắng về hậu quả khôn lường của bản thông cáo. Có lẽ chỉ có Pakistan và Canada mau mắn lên tiếng tán thành. Vì thế có người cho rằng môi giới trong việc này là Pakistan?

[12] *1999 – Victory without War*, Simon and Schuster, N.Y. 1988

[13] Xin xem *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* của Minh Võ, lần in thứ 3 năm 2002, trang 319 và 334.

[14] Trong chương 43, cuốn *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp*, chúng tôi đã phân tích vấn đề này. Ở đây xin miễn nhắc lại.

[15] Cho đến năm 1960 thì số các đảng CS trên toàn thế giới đã tăng lên đến 87.

[16] Theo thuyết Mác-xít thì chế độ *xã hội chủ nghĩa* là chế độ “quá độ”, tức chuyển tiếp, giữa chế độ tư bản và chế độ CS. Chỉ khi nào giai cấp vô sản toàn thắng trên khắp thế giới thì chủ nghĩa CS mới được thành lập.

[17] Trong bài viết về việc Miền Nam mất vào tay CS, đăng trên báo Le Monde ở Pháp, ngày 1-5-1975.

[18] Hội nghị Thượng Hải giữa Nixon và Chu Ân Lai năm 1972. Hội nghị Băng-đung giữa Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia, Ai Cập, Nam Tư năm 1955. Hội nghị 2K tại Vienna giữa Tổng Thống Kennedy và Bí Thư Thứ Nhất Khrushchev năm 1960.

[19] *Hồi Ký* của lãnh tụ Liên Xô cũ Nikita Khrushchev, trang 155 tập III (bản Anh ngữ *Khrushchev Remembers*).

[20] Hồi ký nói trên, tập I, trang 487, cuối chương 19.

Nguồn: <https://tiengquehuong.wordpress.com/category/minh-vo-2/>

www.vietnamvanhien.net